

## ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT KINH SỚ \_QUYỂN THỨ NHẤT\_

Hán văn: Sa Môn NHẤT HẠNH A Xà Lê ghi chép  
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

### VÀO MÔN CHÂN NGÔN\_ TRỤ TÂM \_PHẨM THỨ NHẤT\_

#### *\_ Đại Tỳ Lô Giá Na Thành Phật Thân Biến Gia Trì.*

Am Phạn **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana) là tên gọi riêng của mặt trời tức có nghĩa là **Trừ Âm Biến Minh** (trừ ám tối chiếu sáng khắp). Xong Mặt trời của Thế Gian ắt có phương phần, nếu chiếu bên ngoài thì chẳng thể soi đến bên trong, sáng ở bên này thì chẳng sáng được bên kia. Lại chỉ tỏa sáng ban ngày mà chẳng thể làm ngọn đuốc soi sáng trong đêm.

Ánh sáng thuộc **mặt trời Trí Tuệ** (Jñāna-divākara) của Như Lai ắt chẳng như thế, tràn khắp tất cả nơi chốn làm ánh sáng soi chiếu rộng lớn (Đại Chiếu Minh) không có sự riêng biệt của bên trong bên ngoài, phương sở, ngày đêm

Lại nữa, Mặt Trời đi qua cõi **Diêm Phù Đề** (Jambudvīja) thì tất cả cỏ cây, rừng rú tùy theo tính phận đều được tăng trưởng, mọi việc của **Thế Gian** (Loka, hay Laukika) nhân vào đó mà thành.

Ánh sáng của mặt trời Như Lai chiếu khắp **Pháp Giới** (Dharma-dhātu) lại hay bình đẳng khai phát mọi loại **căn lành** (Ku'sala-mūla) của vô lượng chúng sinh cho đến sự nghiệp thù thắng thuộc **Thế Gian** (Loka, hay Laukika) và **Xuất Thế Gian** (Lokottara), không có một thứ gì mà chẳng do điều ấy để được thành tựu.

Lại như vầng tối tăm che khắp thì vầng mặt trời ẩn mất, cũng chẳng phải bị hoại diệt. Khi gió mạnh thổi mây tan thì ánh sáng mặt trời lại hiển chiếu, cũng chẳng phải mới được sinh ra.

Mặt trời của **Tâm Phật** (Buddha-citta) cũng lại như thế. Tuy bị nhiều lớp mây **Vô Minh** (Avidya), **Phiền Não** (Kle'sa), **Hý Luận** (Prapañca) che chướng nhưng không có chỗ giảm bớt, rốt ráo **Thật Tướng** của các **Pháp** (Dharma) là sự sáng tròn (Viên Minh) của **Tam Muội** (Samādhi) không có bờ mé mà vẫn không có chỗ tăng thêm.

Dùng mọi loại **Nhân Duyên** (Hetu-pratyaya) của nhóm như thế nên chẳng thể đem mặt trời của Thế Gian làm ví dụ được. Có điều chỉ lấy chút phần tương tự rồi gia thêm chữ **Đại** (Mahā: To lớn) nên gọi là **Ma Ha Tỳ Lô Giá Na** (Mahāvairocana).

**Thành Phật.** Dùng đầy đủ Phạn Am thì gọi là **Thành Tam Bồ Đề** (Abhisambodhi) có nghĩa là **Chính Giác Chính Tri**, tức là **Trí Như Thật** biết quá

khứ, hiện tại, vị lai, số chúng sinh, số chẳng phải là chúng sinh, **Hữu Thường** (Nitya, hay Nityatà), **Vô Thường** (Anitya, hay Anityatà)... Tất cả các Pháp đều hiểu biết rõ ràng nên gọi là **Giác** (Budhi) mà Phật tức là bậc **Giác Ngộ** (Buddha) cho nên nói gọn lại là **Thành Phật**

\_ **Thần Biến Gia Trì** (Vikurvitàdhiṣṭana). Xưa dịch là **Thần Lực Sở Trì** (Nơi giữ gìn Thần Lực), hoặc nói là **Phật Sở Hộ Niệm** (nơi hộ niệm của Phật). Xong **tự chứng Tam Bồ Đề** này vượt qua tất cả **đất Tâm** (Citta-bhùmi: Tâm Địa) hiện hiểu biết các **Pháp, ban đầu vốn chẳng sinh**, chỗ đó là cứu cánh của ngôn ngữ, Tâm hành cũng vắng lặng. Nếu lia sức Uy Thần của Như Lai, tức tuy là **Thập Địa Bồ Tát** (Da'sa-bhùmi-bodhisatva) còn chẳng biết **cảnh giới** (Viṣaya) ấy hướng chi là người trong sinh tử khác.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì lời Nguyện **Đại Bi** (Mahà-kàruṇa) xưa kia nên tác niệm này: *“Nếu Ta chỉ trụ ở Cảnh Giới như vậy, tức các Hữu Tình chẳng thể dùng điều đó để nương nhờ được lợi ích. Chính vì thế cho nên trụ ở Tam Muội **Tự Tại Thần Lực Gia Trì** vì khắp tất cả chúng sinh hiện bày mọi loại **Thân** (Kàya) mà các nẻo thích nhìn, nói mọi loại Tính Dục thích hợp với Pháp đã nghe, tùy theo mọi loại Tâm Hành mà mở Môn **Quán Chiếu**”*

Xong, sự Ứng Hoá này chẳng phải từ **thân** (Kàya), hoặc **lời nói** (Vàk: Ngữ), hoặc **Ý** (Manas) của **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana) sinh ra. Ở tất cả thời, xứ... khởi diệt bờ mé đều chẳng thể được. Ví như **Huyễn Sư** dùng sức của Chú Thuật gia trì vào cỗ thuốc thì hay hiện ra mọi việc chưa từng có, đối tượng ưa thích của **năm Tình** (tình thức hay sinh ra từ năm Căn là: mắt, tai mũi, lưỡi, thân) ứng cho mọi Tâm. Nếu buông bỏ gia trì thì sau đó ẩn mất

Sự vật biến thiên (Huyễn-Màya) của **Như Lai Kim Cương** (Tathàgata-vajra) cũng lại như vậy, khi **Duyên** (Pratyaya) lui liền diệt, lúc có cơ hội dấy lên liền sinh, ngay tại việc mà chân thật, không có tận hết, cho nên nói là **Thần Lực Gia Trì Kinh**.

Nếu căn cứ vào bản Phạn thời **Tựa Đề** đầy đủ phải nói là **Đại Quảng Bác Kinh Nhân Đà La Vương** (Mahà- vaipulya sùtra-indra-ràja)

\_ **Nhân Đà La Vương** (Indra-ràja) là **Đế Thích**. Nói Kinh này là Tạng bí yếu của tất cả Như Lai, đối với mọi **Giáo** (‘Sàstra) của **Đại Thừa** (Mahà-yàna) có uy đức đặt biệt tôn quý, giống như **Thiên Mục** (ngàn con mắt, một tên gọi riêng của Đế Thích) là Chủ của hàng Thích Thiên. Nay, sự **tựa đề của Kinh** quá rộng cho nên chẳng lưu giữ đầy đủ.

\_ **Phẩm Vào Môn Chân Ngôn, trụ Tâm**

Bản Phạn có hai tựa đề:

1\_ **Phẩm Tu Hạnh Chân Ngôn**

2\_ **Phẩm Vào Môn Chân Ngôn, trụ Tâm**

Thiết tưởng nói nghĩa của **vào trụ** đã gồm câu nói **tu Hạnh** cho nên lia văn phiên phức, chỉ chọn lấy một.

**Chân Ngôn**, tiếng Phạn là **Mạn Đát La** (Mantra) tức là **Chân Ngữ, Như Ngữ**, âm chẳng hư vọng chẳng sai khác. **Long Thọ Thích Luận** nói là **Mật Huệ**. Xưa dịch là **Chú** tức chẳng phải sự phiên dịch chính đúng vậy

Phẩm này luận bao quát Đại Ý của Kinh, nói là Tự Tâm của chúng sinh tức là **Nhất Thiết Trí Trí** (Sarva-jñā-jñāna), biết rõ như thật gọi là **Nhất Thiết Trí** (Sarva-jñā). Thế nên điều này dạy cho các **Bồ Tát** (Bodhisatva) dùng **Chân Ngữ** làm cửa, Tự Tâm phát **Bồ Đề** (Bodhi) tức Tâm có đủ vạn Hạnh, thấy **Chính Đẳng Giác** của Tâm, chứng **Đại Niết Bàn** (Mahā-nirvāṇa) của Tâm, phát khởi **Phương Tiện** (Upāya) của Tâm, nghiêm tịnh **cõi Phật** (Buddha-kṣetra) của Tâm. Từ **Nhân** (Hetu) đến **Quả** (Phala) đều dùng **Vô Sở Trụ** (không có chỗ trụ) mà trụ Tâm ấy, cho nên nói là Phẩm **Vào Môn Chân Ngôn trụ Tâm** vậy.

\_ **Vào Môn Chân Ngôn** lược có ba việc. Một là Môn **Thân Mật**, hai là Môn **Ngữ Mật**, ba là Môn **Tâm Mật**...Việc đó sẽ rộng nói bên dưới. Hành Giả dùng ba phương tiện này tự tịnh ba Nghiệp tức là nơi Gia Trì thuộc ba Mật của Như Lai, cho đến hay ở đời này được đầy đủ **Địa Ba La Mật**, chẳng phải trải qua nhiều kiếp số tu đủ các Hạnh đối trị, cho nên **Đại Phẩm** ghi rằng: “*Hoặc có Bồ Tát lúc mới phát Tâm thời liền lên địa vị của Bồ Tát, được **Bất Thoái Chuyển** (Avaivartika). Hoặc có lúc mới phát Tâm thời được **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi), liền chuyển **bánh xe Pháp** (Dharma-cakra: Pháp Luân)*”.

**Long Thọ** (Nāgārjuna) nhân vào đây nói: “*Như người đi xa, cỡi dê mà đi thì lâu lắm mới đến, cỡi ngựa liền sai khiến nhanh chóng. Nếu người nương vào Thần Thông thời trong khoảng phát ý liền đến chỗ muốn đến*”.

Chẳng được nói là **trong khoảng phát ý làm sao đến được** ? Vì Tướng của Thần Thông như thế chẳng nên sinh nghi ngờ, tức là ý chỉ sâu xa của Kinh này vậy

\_ Kinh nói rằng: “*Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Bạc Già Phạm (Bhagavam:Thế Tôn) trụ tại Cung Pháp Giới (Vajra-dharma-dhātu-pura: Kim Cương Pháp Giới cung) của Như Lai Gia Trì (Tathāgatadhīṣṭana)*”

Năm nghĩa ban đầu của **Kinh** (Sūtra) như trong **Trí Độ Luận** đã rộng nói rõ, xong bản Phạn của Kinh này bị thiếu cho nên không có phần **Thông Tự**

**A Xà Lê** (Acārye: Quý Phạm Sư) nói rằng: “*Đại bản của Tỳ Lô Giá Na có mười vạn bài kệ, do bề bộn nên khó gìn giữ được. **Truyền Pháp** Thánh Giả lựa chọn tông yếu ấy. Phàm có hơn ba ngàn bài tụng, tuy vẫn nghĩa của Chân Ngôn Hành Pháp được lược gọn chu đáo, xong chẳng phải là bản chính của Kinh **Đại Nhật**, cho nên chẳng đề **Thông Tự**. Nay dùng theo tiền lệ ắt đối với **nghĩa**, không có sự tổn hại vậy*”.

\_ **Bạc Già Phạm** (Bhagavam, hay Bhagavān)

**Luận Sư** đã giải có đủ sáu nghĩa. Nay trong Tông này thì **Bạc Già** (Bhaga) là nghĩa **Năng Phá** như người cầm giữ vũ khí sắc bén tội phục được nhiều nơi chốn. Điều ấy vốn chưa có tên gọi này, do người đời nghị quán sự tích ấy cho nên hiệu là **Năng Phá**.

**Thế Tôn** cũng thế, dùng sự sáng tỏ của **Đại Trí** (Mahà-jñàna) phá **Vô Minh** (Avidya), **phiền não** (Kle'sa) của tất cả Thức Tâm. Nhóm này vốn tự mình không có sinh, cũng không có tướng mạo. Xong khi **mặt trời Tuệ** hiện ra thời sự tối tăm tự trừ. Chính vì thế cho nên có nghĩa là **Phá**

**Thích Luận** cũng nói rằng: “**Bà Già** (Bhaga) gọi là **Phá**, **Bà** (Vaṃ) gọi là **Năng**. Hay phá Dâm, Nộ, Si cho nên gọi là **Bà Già Bà** (Bhagavaṃ). Hàng **Nhị Thừa** tuy phá ba Độc cũng chẳng mỗi mỗi thấu tỏ hết, như vật chứa đầy Hương thì hơi còn sót có cơ lưu lại. Lại như lửa của cỏ, cây, củi...dùng sức ít ỏi cho nên tro than chẳng hết. **Như Lai** như lửa của Kiếp Thiêu, tất cả đều hết, không có khói, không có than cho nên gọi là **Bà Già Bà** (Bhagavaṃ)”.

Lại nữa, **Đế Thích Thanh Luận** nói: “**Người nữ** là **Bà Già**, là muốn cầu Nhân Duyên. **Năng** tức là nghĩa của **phiền não**, lại là nghĩa của **nơi hướng theo sự sinh** (sở tùng sinh)”

**Kim Cương Định Tông** liền phiên dịch nghĩa này là **người nữ**, tức là **Bát Nhã Phật Mẫu**, người thấy biết không ngăn ngại... thấy đều theo đó sinh ra. Kẻ ấy có chí cầu Nhân Duyên được cho tương ứng, phiền não hý luận thấy đều ngưng hẳn. Tức chẳng phải như sức nóng ham muốn của Thế Gian, tuy hơi ngưng nghỉ mà thật tăng thêm vậy.

Do Mật Giáo chẳng thể tuyên nói thẳng cho nên phần lớn có **Ẩn Ngữ** như vậy. Học Giả khi tiếp xúc nên tùy theo loại mà suy nghĩ.

Lại **Bạc Già Phạm** (Bhagavaṃ, hay Bhagavaṇ) tức là *đeo theo sự có âm thanh* (đái hữu thanh) như người có tiền của thì gọi là **người nắm giữ tiền của**. Do có vàng cho nên gọi là **người cầm giữ vàng**. Vì Như Lai có đầy đủ **Đức** (Guṇa) thù thắng cho nên gọi là **bạc nắm giữ mọi Đức**.

**Thích Luận** cũng nói rằng: “**Bà Già** (Bhaga) nói là **Đức** (Guṇa), **Bà** (Vaṃ) nói là **Có** (Bhava), đấy gọi là **Hữu Đức**.”

**Bà Già** (Bhaga) gọi là **danh tiếng** (danh thanh), **Bà** (Vaṃ) nói là **Có** (Bhava), đấy gọi là **có danh tiếng** (hữu danh thanh). Tất cả Thế Gian không có Đức, danh tiếng như Đức Phật...tức là nghĩa ấy vậy”

Trong **Kinh** phần lớn dịch là **Thế Tôn** tức là lời xưng chung để khen ngợi **Đức**. Ngữ Pháp của phương Tây (Ấn Độ) khi nói đến bậc Tôn Giả thì chẳng dám dùng thẳng tên gọi của vị ấy mà trước tiên là khen ngợi Công Đức của vị ấy, như nói là: **Đại Trí Xá Lợi Phất**, **Thần Thông Mục Kiền Liên**, **Đầu Đà Đại Ca Diếp**, **Trì Luật Ưu Bà Ly**...Cho nên trong Kinh này, theo tiền lệ nói là **Bạc Già Phạm** Tỳ Lô Giá Na. Nay thuận theo văn thế của phương này, hoặc dùng **Thế Tôn** ở hết phần bên dưới vậy.

\_ **Kinh** nói rằng: “**Đức Bạc Già Phạm** (Bhagavaṃ:Thế Tôn) **trụ tại Như Lai Gia Trì** (Tathàgatadhīṣṭana)”

**Bạc Già Phạm** (Bhagavaṃ) tức là Bản Địa Pháp Thân của Tỳ Lô Giá Na (Vairocana). Tiếp nói rằng **Như Lai** (Tathàgata) là **Thân Gia Trì** (Adhiṣṭhanakāya) của Phật, nơi đã trụ (sở trụ xứ) ấy gọi là **Thân Thọ Dụng** (Sambhoga-kāya)

của Phật. Tức dùng Thân này làm Trụ Xứ gia trì của Phật, **Tâm Vương** của Như Lai, chỗ trụ của chư Phật mà trụ trông đó. Chỗ ấy theo khắp tất cả nơi chốn sinh ra sức gia trì, tức cùng với **Pháp Thân** (Dharma-kaya) **không có Tướng** (Vô Tướng: Animitta), không có hai, không có khác, mà dùng Thần Lực tự tại khiến cho tất cả chúng sinh nhìn thấy **hình sắc** (Rùpa) của **Thân Mật** (Kàya-guhya), nghe được **âm thanh** ('Sabda) của **Ngữ Mật** (Vàg-guhya), hiểu được **Pháp** (Dharma) của **Ý Mật** (Manas-guhya)... tùy theo Căn Tính ấy chia ra mọi loại chẳng giống nhau (bất đồng), tức chỗ đã Trụ (sở trụ) này có tên gọi là **Gia Trì Xứ** vậy.

Tiếp lại chú thích khen ngợi *Trụ Xứ của sự Gia Trì* (Gia Trì Trụ Xứ) cho nên nói là **Cung Kim Cương Pháp Giới** (Vajra-dharma-dhātu-pura) rộng lớn

**Đại** (to lớn: Mahà) nói là *không có bờ mé*

**Quảng** (rộng: Vaipulya) nói là *chẳng thể đếm được số lượng*.

**Kim Cương** (Vajra) ví dụ cho **Trí** (Jñāna) của **Thật Tướng** vượt qua tất cả đường lối của ngôn ngữ, Tâm Hành... chuyên chủ theo *không có chỗ nương cậy* (vô sở y), chẳng bày các Pháp, không có chặng đầu khoảng giữa lúc sau, chẳng tận chẳng hoại, lìa các tội lỗi, chẳng thể thay đổi, chẳng thể phá huỷ...cho nên gọi là **Kim Cương** (Vajra).

Như báu Kim Cương của Thế Gian có ba việc tối thắng

1\_ Chẳng thể hoại

2\_ Quý hơn hết trong các vật báu

3\_ Vật hơn hết trong các vật dụng chiến đấu

Điều này cùng với ví dụ trong ba loại **Kim Cương Tam Muội** của **Thích Luận** có ý giống nhau.

**Pháp Giới** (Dharma-dhātu) là **Thể** của **Kim Cương Trí** rộng lớn. **Thể** của Trí này đã tạo làm Thân **Thật Tướng Trí** của Như Lai. Do gia trì cho nên tức là nơi được trang nghiêm bởi Công Đức chân thật, cảnh của **Diệu Trụ** (Sutiṣṭa), chỗ ở của Tâm Vương...cho nên nói là **Cung** (Pura) vậy. **Cung** này là nơi mà **Cổ Phật** (Phật của thời xa xưa) thành Bồ Đề, ấy là **Cung** của **Ma Hê Thủ La Thiên** (Mahe'svara-deva).

**Thích Luận** nói rằng: "*Chỗ cư trú của năm loại Na Hàm (Anàgàmi) ở Đệ Tứ Thiên (Caturtha-dhyāna) gọi là Tịnh Cư Thiên ('Suddha-vàsa-deva), vượt hơn cõi này có nơi cư trú của Thập Địa Bồ Tát cũng có tên gọi là Tịnh Cư ('Suddha-vàsa), Hiệụ là Đại Tự Tại Thiên Vương (Mahe'svara-devarāja) vậy*".

Nay Tông này làm rõ nghĩa *dùng Tự Tại gia trì nơi mà Thần Tâm đã yên định*, cho nên gọi là **Tự Tại Thiên Vương Cung**, tức là tùy theo nơi có sự ứng nghiệm của Như Lai, không có nơi nào chẳng phải là **Cung** này, chứ chẳng phải biểu thị riêng cho một chỗ nào của **Tam Giới** (Trayo-dhātavaḥ).

**\_ Tất cả bậc Trì Kim Cương (Vajra-dhàra) thấy đều tập hội.**

Tiếp đến nói rõ **Diệu Quyển Thuộc** (Suparivāra). Đức Như Lai ở ngay trong **Cung** này làm nơi độc nhất có **quyển thuộc** (Parivāra) sao ? Cho nên nói trong chỗ

này lại có vô biên quyền thuộc thường đã tập hội, ấy là hàng **Chấp Kim Cương** vậy. Tiếng Phạn ghi là **Phạt Chiết La Đà La** (Vajra-dhàra). **Phạt Chiết La** (Vajra) này tức là *chày Kim Cương*, **Đà La** (Dhàra) là nghĩa *cầm nắm* cho nên xưa dịch là **Chấp Kim Cương**. Nay nói là **Trì Kim Cương** gồm được cả hai sự chú thích sâu cạn, đối với nghĩa là hơn hết, cho nên tùy theo văn liền trợ nhau làm **Từ** ấy.

Thuận theo đời, xem xét kỹ chỗ đã biểu thị của đường lối thông thường, tức nói rằng: “*Sinh Thân Phật thường có năm trăm vị **Chấp Kim Cương Thần** (Vajra-dhàra-devatà) theo hầu hai bên để thị vệ*”

Xong, theo Mật Ý của Tông này thì **Phạt Chiết La** là **Trí Ấn** (Jñāna-mudra) của **Như Lai Kim Cương** (Tathāgata-vajra). Trí Ấn như vậy có số nhiều vô lượng, người hay cầm giữ Trí Ấn này cũng lại nhiều vô biên. Sở dĩ như thế vì nơi mà **Tâm Vương** đã trụ ắt có **Tâm Số** nhiều như cát bụi, dùng làm quyền thuộc.

Nay, **Tâm Vương Tỳ Lô Giá Na** thành **Tự Nhiên Giác**, lúc đó tất cả **Tâm Số** không có gì chẳng liền nhập vào trong **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu) thành **Trí Ấn** sai khác thuộc Công Đức nội chứng của Như Lai. Trí Ấn như vậy chỉ có Phật với Phật mới có thể cầm giữ được.

Rút gọn nghĩa của **Bồ Đề** (Bodhi) tức có vô lượng vô biên **Kim Cương Ấn** (Vajra-mudra).

Rút gọn nghĩa của **Phật Đà** (Buddha) tức có vô lượng vô biên vị Trì Kim Cương.

Do mọi Đức này thấy đều cùng **một Tướng, một Vị** đến chỗ thật tế, cho nên gọi là **Tập Hội**. Nếu có chút phần chưa ngang bằng, một Pháp chưa đầy đủ, tức chẳng được gọi là **tất cả tập hội** vậy.

Như thế dùng nơi mà Thần Lực tự tại đã gia trì cho nên liền từ **Tâm Vương Tỳ Lô Giá Na** hiện ra thân gia trì tôn quý đặc biệt, khi đó vô lượng Pháp Môn quyền thuộc mỗi mỗi đều hiện **thân Chấp Kim Cương** (Vajra-dhàra-kāya) hiển phát thế to lớn uy mãnh của Như Lai, ví như **Đế Thích** (Indra) tay cầm Kim Cương phá **quân Tu La** (Asura-sena). Nay các **Chấp Kim Cương** này cũng lại như vậy, đều từ một Môn, cầm chiến cụ (vật dụng chiến đấu) của **Đại Không** hay hoại phiền não không có tướng của tất cả chúng sinh, cho nên dùng Tướng để so sánh vậy.

*\_Tín Giải Du Hý Thần Biến của Như Lai sinh ra Bảo Vương (Ratna-rāja) làm thành lầu gác lớn, cao không thấy bờ giữa. Các Đại Diệu Bảo Vương này âm thầm dùng mọi thứ trang sức cho thân Bồ Tát làm Tòa Sư Tử (Simhāsana)*

Đại Chúng đã tụ tập, cần có chỗ nói Pháp, cho nên tiếp theo nói rõ nơi lầu gác đã trụ với tòa Sư Tử.

**Tín Giải** (Adhimukti). Bắt đầu từ lúc chân chính phát Tâm cho đến thành Phật, ở trong khoảng giữa đó có tên gọi thông dụng là **Tín Giải Địa** (Adhimukti-bhūmi)

Tiếng Phạn ghi là **Vi Cật Lý Nê Đa** (Vikṛinīta) có nghĩa là *dũng dục*, nghĩa *du hý*, nghĩa *Thần Biến* ...ấy là từ khi mới phát Tâm trở đi đã sâu xa gieo trồng **căn lành** (Ku'sala-mūla), khởi mọi loại **Nguyện Hạnh** trang nghiêm cõi Phật, thành tựu chúng sinh, luôn thù thắng tiến chẳng hề ngơi nghỉ. Đấy tức là nghĩa **siêu thăng đặng dục** (nhảy vọt lên cao). Như người lắc động, đánh trống, nhảy múa...hay dùng ba Nghiệp khéo léo làm cho vui khắp mọi Tâm, cho nên sự nhảy vọt (đặng dục) này tức gọi là **Du Hý** (chơi đùa), Du Hý như vậy tức là Thần Thông tự tại của Bồ Tát.

Nói rằng: “Khi Đức Tỳ Lô Giá Na còn hành **Bồ Tát Đạo** (Bodhisatva-mārga) thời dùng Tam Muội **Nhất Thế Tốc Tật Lực** (Sức mau chóng của một Thế) cúng dường vô lượng Thiện Tri Thức, hành khắp vô lượng các **Độ Môn** (Pāramitā-mukhe), **Pháp lợi mình lợi người** ...đều đầy đủ, hay được chỗ đã tập thành thuộc **báu Trí của Như Lai** (Tathāgata-jñāna-ratna) như vậy, bí mật trang nghiêm **lầu quán Pháp Giới**, đối với tất cả chỗ đã sinh của **Thật Báo** là tối vi đệ nhất, giống như **Chân Đà Ma Ni** (Cintā-maṇi) là vua của các vật báu. Cho nên nói là **Du Hý Thần Biến** sinh ra **Bảo Vương** (Ratna-rāja) của **lầu gác lớn** vậy”.

— **“Lầu gác ấy cao vô cùng, nên biết rộng cũng không có bờ mé, do ven bờ chẳng thể được cho nên cũng lại không có khoảng giữa”**.

Đây là khắp tất cả nơi chốn, chỗ mà Thân đã cư trú. Nên biết lầu quán như vậy cũng tràn khắp tất cả nơi chốn vậy.

Tiếp nói rõ **Tướng trang nghiêm của lầu quán**. Giống như có người dùng mọi loại Kim Cương đủ màu nghiêm sức Kim Cương, xong Tính của Thế ấy không có sai khác. Nay cũng như vậy, quay lại dùng **Bảo Vương** thuộc mọi loại công Đức của Như Lai tô điểm trang hoàng **Lầu Các Bảo Vương**. Tại sao thế ? Vì không có Pháp nào ra khỏi **Tính** (Prakṛti) của báu như vậy

Xong, Tướng **Tịch Diệt bậc nhất** này do Thần Lực gia trì của Như Lai khiến cho kẻ đáng được độ tùy theo biểu tượng của các Pháp Môn. Nếu có thể thấy, nghe, chạm, biết...liền dùng điều này làm cửa để vào Pháp Giới, như **Thiện Tài Đồng Tử** (Sudhana-‘sreṣṭhi-dāraka) vào nhân duyên thuộc cung điện của **Di Lặc** (Maitreya).

Trong đây nên rộng nói rõ **thân Bồ Tát làm toà Sư Tử**.

Bên trên nói cung Kim Cương Pháp Giới tức là thân Như Lai. Tiếp theo nói Đại Lầu Các Bảo Vương cũng tức là thân Như Lai. Nay nói toà Sư Tử, nên biết cũng như thế. Sở dĩ nói **thân Bồ Tát**, ấy là khi còn hành Bồ Tát Đạo thời theo thứ tự tu hành **Địa Ba La Mật** (Bhūmi-pāramitā) cho đến **Đệ Thập Nhất Địa** (Ekada'sa-bhūmi)...nên biết Địa sau liền dùng Địa trước làm nền. Cho nên nói **Như Lai dùng thân Bồ Tát làm toà Sư Tử**.

**Thích Luận** nói rằng: “*Ví như Sư Tử ở trong chúng thú, đi một mình không có sợ hãi. Đức Phật cũng như vậy, ở trong 96 loại Ngoại Đạo, tất cả giáng phục không có sợ hãi, cho nên gọi là Nhân Trung Sư Tử (Sư Tử trong loài người). Chỗ mà Ngài đã ngồi, hoặc giường, hoặc đất đều gọi là toà Sư Tử*”

Nay Tông này nói rõ nghĩa. Nói **Sư Tử** (Simha) tức là **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) mạnh mẽ vững chắc, từ khi mới phát Ý trở đi, được thể lớn tinh tiến, không có yếu hèn sợ hãi...giống như Sư Tử tùy theo chỗ đã nắm bắt đều được không có bỏ sót. Tức là nghĩa *tự tại độ người không có lỗi lầm về sự trống rỗng* (không quá). Nếu giải thích sơ lược thì nói là *các Bồ Tát có Tâm sâu xa kính Pháp cho đến đem thân đội vào toà Sư Tử của Phật*, cho nên nói là thân Bồ Tát làm toà Sư Tử vậy.

\_ *Tên Kim Cương của các vị ấy là : Hư Không Vô Cấu Cháp Kim Cương (Vimalakā'sa-vajradhāra, hay Gaganāmala-vajradhāra) cho đến Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ (Vajrapāṇi guhyanātha). Các vị Thượng Thủ (Pramukha) như vậy dẫn chúng Trì Kim Cương nhiều như số hạt bụi nhỏ của mười cõi Phật (Buddha-kṣetra) đến dự, cùng với các vị Đại Bồ Tát thuộc nhóm: Phổ Hiền Bồ Tát (Samanta-bhadra), Từ Thị Bồ Tát (Maitreya), Diệu Cát Tường Bồ Tát (Mañju'sri), Trừ Nhất Thiết Cái Chướng Bồ Tát (Sarva nivarāṇa viṣkambhin) ... trước sau vây quanh mà diễn nói Pháp.*

Tiếp theo nói rõ **Chúng đồng nghe** vậy  
Hỏi rằng: “Đức Phật đã nói Kinh, tại sao trước tiên nói rõ nơi cư trú với Quyển Thuộc vậy?”

Đáp rằng: “Ví như Quốc Vương nếu có Chính Lệnh, ắt trước tiên ra khỏi nơi cư ngụ, lâm Triều ban Pháp Chế quyết định **Thưởng Phạt** thời Quan **Sử Bộ** ghi chép rằng: Vào lúc (...) vị vua tại xứ (tên là...) cùng với hàng **Đại Thần** (tên là...) **hội họp bàn luận, có Giáo Mệnh như vậy, muốn khiến cho người trong nước tin phục, thực hành theo, chẳng được nghi ngờ**”

Đấng **Pháp Vương** (Dharma-rāja) cũng thế, lúc sắp nói **Đại Pháp** (Mahā-dharma) ắt ở trong chúng Bồ Tát Đại Quyển Thuộc khiến làm chứng minh. Do Nhân Duyên đó mà người nghe sinh niềm tin, do Tâm tin cho nên hay vào trong Pháp như vậy, tu hành được chứng, bội phục sinh niềm tin. Cho nên trước tiên xếp bày thứ tự của **Chúng** vậy

\_ *Hư Không Vô Cấu Cháp Kim Cương (Vimalakā'sa-vajradhāra, hay Gaganāmala-vajradhāra) tức là Thể của Tâm Bồ Đề, lia tất cả Cháp, tránh hý luận... như hư không trong sạch không có sự ngăn che, không có dơ, không có nhiễm cũng không có phân biệt. Như Tâm của điều này tức là Kim Cương Trí Ấn (Vajra-jñāna-mudra), hay trì Ấn này thì gọi là Hư Không Vô Cấu Cháp Kim Cương vậy.*

\_ Lại nữa *Hư Không Du Bộ Cháp Kim Cương (Ākā'sa vicaraṇa-vajradhāra, hay Gagana-vikrama-vajradhāra).*

**Du Bộ** (Vicaraṇa, hay Vikrama) là nghĩa *chẳng trụ*, nghĩa *thăng tiến*, nghĩa *thần biến*. Dùng Tâm **Tịnh Bồ Đề** ở tất cả Pháp đều không có chỗ trụ, mà thường tiến tu vạn Hạnh, khởi Đại Thần Thông...cho nên nói là **Hư Không Du Bộ**



Lại nữa **Hư Không Vô Cấu Cháp Kim Cương** tức là **Chủng Tử** (Bija) bình đẳng của **A Tự Môn** (𑖀) tu Hạnh *không có trụ* (vô trụ), ví như phương tiện gieo trồng thức ăn thì rễ, mầm dần dần sinh ra...cho nên tiếp theo nói rõ phát hành **Kim Cương Ấn** (Vajra-mudra) vậy

\_ Thứ ba **Hư Không Sinh Cháp Kim Cương** (Àkà'sa sambhava-vajradhàra, hay Gagana-sambhava-vajradhàra) như mầm giống đã sinh; bốn Đại thời tiết làm Duyên; hư không chẳng ngăn ngại, niệm niệm càng thêm lớn. **Tâm Bồ Đề** cũng lại như vậy, dùng *không có chỗ được* làm **phương tiện** (Upàya), *vạn Hạnh* làm **Duyên** (Pratyaya), được **chân thật sinh**, ấy là **Đại Không Sinh** cho nên gọi là **Hư Không Sinh**

\_ Thứ tư: **Bị Tạp Sắc Y Cháp Kim Cương** (Citra vasa dhṛk-vajradhàra). Như mầm giống tăng trưởng thì cọng, lá, hoa, quả dần dần tiếp theo nhau tăng thêm nhiều. Cây vua **Tâm Bồ Đề** mở bày vạn Đức cũng lại như vậy. Cho nên nói đầy đủ mọi loại hình sắc (Rùpa). Tiếp lại dùng mọi loại hình sắc của Pháp Giới nhuộm **Tâm Bồ Đề** không dơ này, thành **Đại Bi Mạn Đà La** (Mahà-kàruṇa-maṇḍala), cho nên gọi là **Bị Tạp Sắc Y**.

\_ Thứ năm: **Thiện Hành Bộ Cháp Kim Cương** (Vicitra caraṇa-vajradhàra, hay Vicitra-càrin-vajradhàra). Chữ **Thiện** này có tiếng Phạn là **Tỳ Chất Đa La** (Vicitra) có nghĩa *đoan nghiêm*, nghĩa *chủng tử* (hạt giống) ví như đã được quả trái, lại quay trở lại làm hạt giống vậy.

**Thiện Hành Bộ** (Vicitra caraṇa, hay Vicitra-càrin) tức là uy nghi của chư Phật, nói là khéo biết lúc thích hợp *có thể hoá độ, chẳng thể hoá độ*...mọi loại *thông suốt, bế tắc*. Dùng phương tiện của thân, khẩu, ý ứng hợp với nền tảng của mọi người (quần cơ), uyển chuyển hợp cách với khuôn phép (quy củ)...đều thành việc Phật, cho nên dùng làm tên gọi vậy.

\_ Thứ sáu: **Trụ Nhất Thiết Pháp Bình Đẳng Cháp Kim Cương** (Sarva dharma samata sthita-vajradhàra, hay Sarva-dharma-samatàvihàrin-vajradhàra) là *trụ ở Tính bình đẳng của tất cả Phật*, là tất cả các Pháp của nhóm **Nhân Quả, ta người, Hữu Vi, Vô Vi**. Vào trong **Trí Như Thật** này, rốt ráo bình đẳng, đồng **một Thật Tế**. Hay cầm giữ Trí Ấn này cho nên dùng làm tên gọi vậy.

Xong, năm câu bên trên cũng đều là Công Đức chân thật của Như Lai, không có sâu cạn sai khác. Vì muốn phân biệt khiến cho dễ hiểu cho nên tạo thành thứ tự để nói vậy.

\_ Thứ bảy: **Ai Mẫn Vô Lượng Chúng Sinh Giới Cháp Kim Cương** (Apramana sattvadhatvonukampana-vajradhàra, hay Ananta-sattva-dhàtuparitràṇa-vajradhàra). Sự thương xót (ai mẫn) này cũng gọi là *cứu độ*. Nói là *đã trụ ở Pháp Tính bình đẳng, tự nhiên đối với chúng sinh phát Tâm Bi Mẫn của đồng Thể*. Vì các cõi chúng sinh vô lượng nên **Đại Bi** (Mahà-karuṇa) như vậy cũng không có hạn lượng. Đây là một Công Đức của Như Lai cho nên người hay trì giữ, nhân vào đấy dùng làm tên gọi.

\_ Thứ tám: **Na La Diên Lực Cháp Kim Cương** (Nàràyaṇa bala-vajradhàra, hay Nàràyaṇa-balin-vajradhàra). Đã phát Tâm thương xót (ai mẫn), nếu có đủ thế

lớn, liền hay cứu giúp, cho nên tiếp theo nói rõ vậy. Trong **Kinh** có so sánh sức của 60 **con voi** (Gaja) chẳng bằng sức của một con **Hương Tượng** (Gandha-hastin), cho đến sau cùng thì sức của **Na La Diên** (Nàràyaṇa) là hơn hết. Mỗi một lỗ chân lông trên Sinh Thân của Đức Phật đều ngang bằng với sức của Na La Diên, cho nên dùng ví dụ cho **sức Na La Diên** (Nàràyaṇa-bala) của **Pháp Giới Thân** (Dharma-dhātu-kāya).

\_ Thứ chín: **Đại Na La Diên Lực Cháp Kim Cương** (Mahà nàràyaṇa bala-vajradhàra, hay Mahà-nàràyaṇa-balin-vajradhàra) là trì giữ sức Thần Thông bí mật vậy. Như **Nhất Xiển Đề** (Icchantika hay Ecchantika) ắt là bệnh tật của cái chết. Thật Tế của **Nhị Thừa** làm chứng cho *người đã chết*. Chư Phật Y Vương thấy rõ Tính của Như Lai cho nên liền hay quyết định rống **tiếng rống của Sư Tử** (Simhànada), đối với Nhân Duyên cứu chữa, Tâm chẳng yếu hèn sợ hãi, các vị Bồ Tát còn chẳng thể như thế, cho nên lại nói rõ sức của **Ma Ha Na La Diên** chẳng chung cùng với tất cả.

\_ Thứ mười: **Diệu Cháp Kim Cương** (Su-vajradhàra). **Diệu** (Su) gọi là *thay đổi không có gì sánh bằng*, nghĩa *thay đổi không có gì vượt hơn được*. Giống như **Đề Hồ** (Maṇḍa, hay Sarpir-maṇḍa) dung chứa sự tốt đẹp đã cùng cực, chẳng thể tăng thêm nữa, thường chẳng thay đổi, không có kẽ hở, không có tạp nhạp. **Như Lai** cũng thế, tất cả Công Đức thấy đều không có gì sánh được, không có gì hơn được. Các chỗ **có** (chư hữu) đã làm, cũng chỉ vì Nhân Duyên của một việc này, cho nên gọi là **Diệu Cháp Kim Cương**.

\_ Thứ mười một: **Thắng Tấn Cháp Kim Cương** (Paramavega-vajradhàra). **Thắng** (Parama) là *Đại Không*. Đại Không tức là khắp tất cả nơi chốn, cho nên hay khởi Thần Thông mau chóng vậy. Người trụ ở Thừa này, lúc mới phát Tâm thời liền thành Chính Giác, chẳng động sinh tử mà đến **Niết Bàn** (Nirvaṇa), cho nên gọi là **Thắng Tấn**.

\_ Thứ mười hai: **Vô Cấu Cháp Kim Cương** (Vimala-vajradhàra) tức là Tâm Bồ Đề lia tất cả chướng vậy. Ví như vàng ròng có Thể Tính thuần trong sạch, nếu mọi loại luyện đúc mọi báu, mài óng ánh thì lại càng tăng thêm ánh sáng, liền biết **Chất** ban đầu còn chẳng bị vết dơ nhỏ nhiệm nào trụ chung. Hay trì giữ **Kim Cương Ấn** rất ráo trong sạch này, nhân vào đây dùng làm tên gọi.

\_ Thứ mười ba: **Nhận Tấn Cháp Kim Cương**. Chữ **Nhận** này theo Phạm Văn có nghĩa là *cấu giện trong cấu giện, sắc bén trong sắc bén...*phiên dịch giống như mũi nhọn sắc bén của cây đao. Trì giữ **Kim Cương Lợi Trí** (Vajra-tiṣṇa-jñāna) này thì tất cả chỗ khó chặt đứt đều chặt đứt được, chỗ khó diệt đều diệt được, cho nên dùng làm tên gọi.

\_ Thứ mười bốn: **Như Lai Giáp Cháp Kim Cương** (Tathàgata kavaca-vajradhàra, hay Tathàgata-varman-vajradhàra). **Như Lai Giáp** (Tathàgata kavaca, hay Tathàgata-varman) nghĩa là **Đại Tử** (Mahà-maitre). Do điều này phòng bị nghiêm ngặt Thân cho nên nhiếp giúp chúng sinh, thi hành việc Phật, chẳng bị tất cả phiền não gây tổn thương mà không thể giáng phục được điều gây trở hoại, cho nên dùng làm tên gọi.

\_ Thứ mười lăm: **Như Lai Cú Sinh Cháp Kim Cương** (Tathàgata pàdobhava-vajradhàra). **Cú** (Pàda: câu, chỗ dừng lại của bài văn) gọi là *trụ xứ* tức **Đại Không Sinh** vậy. Công Đức tự chứng của chư Phật, từ Tính của Như Lai sinh ra. Thân gia trì này từ Công Đức tự chứng của Như Lai sinh ra, do chẳng lìa **A Tự Môn (ᄇ)** cho nên gọi là **Như Lai Cú Sinh**

\_ Thứ mười sáu: **Trụ Vô Hý Luận Cháp Kim Cương** (Niḥprapanca pratiṣṭha-vajradhàra, hay Aprapañcavihàrin-vajradhàra) ấy là *trụ ở Tuệ Đại Không* vậy. Tức là quán Thật Tướng của **Duyên Khởi** (Pratitya-samutpàda) không có sinh, không có diệt, chẳng đoạn chẳng thường, cũng chẳng phải đi lại, *một khác* (chẳng phải một, chẳng phải khác). Chỗ đó ngưng dứt các hý luận, Pháp như Niết Bàn. Trì giữ Trí Ấn như vậy, cho nên được dùng làm tên gọi vậy.

\_ Thứ mười bảy: **Như Lai Thập Lực Sinh Cháp Kim Cương** (Tathàgata da'sabalodbhava-vajradhàra, hay Tathàgata-da'sabala-sambhava-vajradhàra) là Trí phương tiện của Phật. Như vậy **Diệu Quyền** theo chỗ nào sinh ra ? Ấy là theo sức thuộc mười Trí của Như Lai mà sinh ra. Trì giữ Ấn như vậy, cho nên được dùng làm tên gọi vậy.

\_ Thứ mười tám: **Vô Cấu Nhãn Cháp Kim Cương** (Vimalanetra-vajradhàra) tức là năm loại mắt của Như Lai. Do sự trong sạch rốt ráo của Tâm Bồ Đề cho nên dùng tất cả mọi loại **quán** (xem xét) tất cả Pháp. Mỗi mỗi thấu tỏ *thấy, nghe, hiểu, biết* không có chỗ trở ngại . Hay trì giữ Kim Cương Ấn như vậy, cho nên dùng làm tên gọi.

\_ Thứ mười chín: **Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ** (Vajrapàṇi-guhya-nàtha).

Tiếng Phạn ghi là **Bá Ni** (Pàṇi) tức là *bàn tay* (thủ) *lòng bàn tay* (chưởng). *Lòng bàn tay trì giữ Kim Cương* cùng với *bàn tay nắm giữ* có nghĩa tương đồng, cho nên trong **Kinh** trợ nhau đưa ra hai tên gọi vậy.

Phương Tây (Ấn Độ) nói **Đạ Xoa** (Yakṣa) là **bí mật** (guhya), do thân khẩu ý của vị ấy mau chóng ẩn kín, khó thể biết rõ, cho nên xưa phiên dịch, hoặc nói là **Mật Tích** (Ghuya-pàda)

Nếu sơ lược nói rõ nghĩa thì **Bí Mật Chủ** (Guhya-nàtha) tức là **Đạ Xoa Vương** (Yakṣa-rajā) cầm chày Kim Cương thường theo hộ vệ Đức Phật, cho nên nói là **Kim Cương Thủ** (Vajra-pàṇi). Xong, nghĩa sâu xa trong đó nói **Đạ Xoa** tức là **Thân Ngữ Ý Mật** của Như Lai, chỉ có Phật với Phật mới có thể biết được, cho đến nhóm **Di Lạc Bồ Tát** (Maitreya) do đối với Thần Thông Bí Mật như vậy thì sức chẳng theo kịp, rất bí mật trong bí mật, ấy là chủ của **Tâm Mật** (Citta-guhya) cho nên nói là **Bí Mật Chủ**. Hay trì giữ Ấn này cho nên nói là **Cháp Kim Cương** (Vajra-dhàra) vậy.

\_ **"Các vị Thượng Thủ (Pramukha) như vậy dẫn chúng Trì Kim Cương nhiều như số hạt bụi nhỏ của mười cõi Phật (Buddha-kṣetra) đến dự "**

Nếu lưu giữ đầy đủ bản Phạn thì ở tên gọi xếp bày bên dưới, mỗi mỗi đều có nhiều điều phải nêu ra ứng với nhóm **Hư Không Vô Cấu**, nhóm **Hư Không Du Bộ**...cho đến nhóm **Bí Mật Chủ**. Sở dĩ như thế vì **Thượng Thủ Cháp Kim Cương**

của nhóm này, mỗi một vị đều có vô lượng quyển thuộc Bộ Loại mà **Đại Bản** đang lưu giữ đầy đủ điều ấy. Xong tổng quát **Cương Yếu** ấy tức *cành, ngọn* tùy theo đấy. Nơi dụng của **Tông Thông** này chẳng đầy đủ, bị thiếu sót.

Đã nói rằng *số nhiều như hạt bụi nhỏ của mười cõi Phật*. Trí Ấn sai khác của Như Lai có số nhiều vô lượng, chẳng phải là chỗ hay biết của toán số, ví dụ. Và lại dùng sức thuộc **mười loại Trí** của Như Lai đều là đối với hạt bụi nhỏ của cõi Phật, dùng biểu thị cho *số đếm của Chúng Hội, biển Thế Giới, Tính Thế Giới với một cõi Phật* mà nghĩa như trong **Thích Luận** đã rộng nói rõ.

Có điều Đức **Nội Chứng** của Tỳ Lô Giá Na dùng gia trì cho nên từ mỗi một Trí Ấn đều hiện ra **thân Cháp Kim Cương** (Vajra-dhàra-kàya) với *hình sắc, Tính loại* đều có biểu tượng; đều tùy theo *Bản Duyên, Tính Dục*... dẫn nhiếp chúng sinh. Nếu các Hành Nhân ân cần tu tập sẽ hay khiến cho ba Nghiệp đồng với Bản Tôn, từ một Môn này được vào Pháp Giới, tức vào vào khắp tất cả **Pháp Giới Môn** vậy.

Tiếp theo liệt kê chúng Bồ Tát đã có bốn vị **Thánh Giả** (Àrya) làm **bậc Thượng Thủ** (Pramukha).

Lúc trước nói rõ một hướng của các vị Cháp Kim Cương là Trí Ấn của Như Lai. Nay nghĩa của Bồ Tát này gồm cả **Định Tuệ** lại gồm cả **Từ Bi** cho nên nhận riêng *tên gọi* vậy, cũng là Công Đức **Nội Chứng** của Tỳ Lô Giá Na. Như Cháp Kim Cương có số Chúng nhiều như số hạt bụi nhỏ của mười cõi Phật, nên biết Pháp Môn của các Bồ Tát cùng đối nhau, cũng có số Chúng nhiều như hạt bụi nhỏ của mười cõi Phật, dùng gia trì cho nên đều được từ *một Môn của Pháp Giới* hiện làm **một thân Thiện Tri Thức** (Kalyàna-mitra-kàya) vậy

Lại **Bát Nhã Thích Luận** nói: “*Khi Sinh Thân Phật thành Đạo thời nhóm A Nan (Ànanda), Mật Tích Lực Sĩ (Guhyapàda-vajra) được gọi là Nội Quyển Thuộc. Các Thánh Nhân của nhóm Xá Lợi Phất (Sàriputra), Mục Kiền Liên (Maudgalyàyana) với nhóm Di Lạc (Maitreya), Văn Thù (Mañju'sri), các A Tỳ Bạt Trí (Avaivartika), Nhất Sinh Bồ Xứ Bồ Tát (Ekajàti-pratibaddha) được gọi là Đại Quyển Thuộc.*”

Nay nói **Thân Gia Trì** của Phật cũng lại như vậy. Các vị Cháp Kim Cương đều trì giữ Mật Ấn của Như Lai, gọi là **Nội Quyển Thuộc**. Các Bồ Tát: Đại Bi, phương tiện, Phổ Môn nhiếp thọ vô lượng chúng sinh, phụ tá **Pháp Vương** (Dharma-ràja), làm việc của Như Lai..gọi là **Đại Quyển Thuộc**. Cho nên **Đại Phẩm** nói rằng: “*Muốn làm Nội Quyển Thuộc của chư Phật, muốn được làm Đại Quyển Thuộc thì nên học Bát Nhã Ba La Mật (Prajña-pàramità) vậy*”

\_ **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra). **Phổ** (Samanta) nghĩa là *khắp tất cả nơi chốn*, **Hiền** (Bhadra) nghĩa là *rất tinh diệu đẹp tốt* (tối diệu thiện). Ấy là nơi mà Tâm Bồ Đề đã khởi **Nguyện Hạnh** với thân khẩu ý thủy đều bình đẳng, khắp tất cả nơi chốn thuần một *tinh diệu đẹp tốt* (Diệu Thiện), đầy đủ mọi Đức, cho nên dùng làm tên gọi.

\_ **Từ Thị Bồ Tát** (Maitreya) là **bốn Tâm vô lượng** (Catvāry-apramāṇani) gồm có Từ, Bi, Hỷ, Xả) của Phật. Nay dùng **Từ** (Matri) tôn xưng làm đầu. **Từ** (Matri:hiền lành yêu thương hết mực) này từ trong **Chủng Tính** của Như Lai sinh

ra, hay khiến cho tất cả Thế Gian chẳng cắt đứt nhà Phật, cho nên nói là **Từ Thi** (Maitreya)

Bên trên nói **Phổ Hiền** là Đức của **Tự Chứng**. Bản Nguyên đã mãn, muốn hoá độ chúng sinh khiến cho được **Đạo** (Màrga) này, cho nên tiếp theo nói cho rõ.

\_ **Diệu Cát Tường Bồ Tát** (*Mañju'sri*). **Diệu** (Mañju, hay Mañju) là Tuệ vô thượng của Phật, giống như **ĐỀ HỒ** (Maṇḍa, hay Sarpir-maṇḍa) thuần trong sạch bậc nhất. **Thất Lợi** ('Sri) dịch là *cát tường*, tức nghĩa là *đầy đủ mọi Đức*. Hoặc nói là **Diệu Đức**, cũng nói là **Diệu Âm** (Mañju-ghoṣa, hay Mañju-ghoṣa) vậy. Nói là *dùng sức Đại Từ Bi cho nên diễn Diệu Pháp Âm khiến cho tất cả nghe*, cho nên tiếp theo **Di Lạc** thời nói cho rõ

\_ **Trừ Nhất Thiết Cái Chướng Bồ Tát** (*Sarva nīvaraṇa viṣkambhin*). Nói **Chướng** (Āvaraṇa) là mọi loại Tâm dơ bẩn của chúng sinh hay ngăn che con mắt trong sạch của Như Lai, chẳng thể mở sáng. Nếu dùng Pháp **không có phân biệt** diệt các hý luận, như mây mù bị tiêu trừ thì mặt trời hiển chiếu, cho nên nói là **Trừ Cái Chướng**. Các điều có (chư hữu) mà Như Lai đã làm thấy đều vì Nhân Duyên của một việc này, cho nên tiếp theo **Diệu Âm** thì nói cho rõ.

Lại nữa, Hành Nhân tuy học **Bát Nhã Ba La Mật**, nếu không có **Thiền Định** (Dhyāna) thì giống như người mù, tuy gặp ánh sáng mặt trời, nhưng không có chỗ nào có thể làm được. Cho nên tiếp theo **Diệu Tuệ** của Văn Thù thì nói rõ Tam Muội **Trừ Cái Chướng** vậy.

Bốn vị Bồ Tát này tức là bốn Đức của **Thân Phật** (Buddha-kāya). Nếu có chỗ nào bị lệch, thiếu tức chẳng thể thành **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi). Chính vì thế cho nên xếp bày làm bậc Thượng Thủ dùng gom hết mọi Đức nhiều như cát bụi

\_ **Các Đại Bồ Tát** . Nói đủ theo Phạm Văn thì nên nói là **Ma Ha Bồ Đề Tát Đỏa** (Mahā-bodhisatva).

**Thích Luận** nói rằng: "**Bồ Đề** (Bodhi) gọi là **Đạo của chư Phật**, **Tát Đỏa** (Satva) gọi là chúng sinh, hoặc gọi là **Dũng Tâm** (Tâm mạnh mẽ). Người đó dốc hết ham muốn được Công Đức của chư Phật. Tâm của người ấy chẳng thể chặt đứt, chẳng thể phá nát, như núi Kim Cương.... đấy gọi là **Tát Đỏa** (Satva).

Lại nữa, người này, Tâm hay vì việc lớn, chẳng lùi chẳng chuyển. Do Tâm rất mạnh mẽ cho nên phần lớn trong chúng sinh, khởi Đại Từ Bi thành lập **Đại Thừa** (Mahā-yāna), hay hành Đạo lớn, được nơi rất lớn, cho nên đều hay nói Pháp phá các **phiền não** (Kle'sa) thuộc nhóm Tâm **Đại Tà Kiến, Đại Ai, Đại Ngã** của tất cả chúng sinh, cho nên gọi là **Ma Ha Tát Đỏa** (Mahā-satva)"

**A Xà Lê** (Àcārya: Quý Phạm Sư) nói rằng: "Căn cứ đầy đủ nghĩa chính thì nên nói là **Bồ Đề Tát Đả** (Bodhisatva). **Tát Đả** (Satva) này có nghĩa là **nhẫn vui tu hành, giữ gìn bền chắc, chẳng buông bỏ** vậy".

Như thế âm tiếng, nói rõ có Pháp như vậy. Nếu luận văn tự thì nghĩa ấy tuy chính nhưng âm vận hoặc chẳng lưu truyền thuận tiện, đành chọn lấy sự sắp xếp

thuận tiện. Cho nên **Luận Sư** ở đời nói là **Tát Đồả** (Satva), người truyền tập tùy thuận theo **Từ** ấy.

Theo **Du Già Tông** thì **Tát Đồả** (Satva) lược có ba loại

**1\_ Ngũ Đồng Tát Đồả** (Bala-satva): là Phạm Phu trong sáu đường, chẳng biết Nhân Quả của **Thật Đế**, Tâm hành Tà Đạo, tu tập Nhân khổ, bám dính ba cõi, chấp chặt chẳng bỏ...cho nên dùng làm tên gọi.

**2\_ Hữu Thức Tát Đồả**: Tức là **Nhi Thừa** vậy. Vừa mới hiểu biết tai vạ lỗi lầm của sinh tử thời tự mình cầu lìa khỏi, được đến Niết Bàn, ôm dính **Hoá Thành** (Rddhi-nagara:Thành ấp của sự biến hoá), dấy lên tướng **diệt độ**, đối với Công Đức của Như Lai chưa sinh Tâm **nguyện vui**, cho nên dùng làm tên gọi.

**3\_ Bồ Đề Tát Đồả** (Bodhisatva): tức **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi) vượt qua tất cả sự suy đoán, hý luận, mọi loại lỗi lầm. Nghĩa là *một hướng thuần Thiện trắng sạch, vi diệu chẳng thể ví dụ được*. Tức là Bản Tính của chúng sinh, Tâm chẳng thể nghĩ bàn. Hay nhấn việc **Thành Đạo** như vậy, nguyện vui tu hành bền chắc chẳng động, cho nên gọi là **Bồ Đề Tát Đồả** (Bodhisatva). Đối với công nghiệp quá lớn trong người như vậy, có thể hay chuyển trao cho tất cả chúng sinh, cho nên gọi là **Ma Ha Tát Đồả** (Mahà-satva)

— *“Đại Chúng của nhóm này, trước sau vây quanh Đức Đại Nhật Thế Tôn, dùng vô lượng Thân Khẩu Ý cúng dường, cung kính để nghe Pháp”*.

Tiếp theo nói rõ lúc hội họp tốt lành của nhiều hạng người đã đồng nghe Pháp. Tức **Kinh** đã nói là: *“Ấy là ngày của Như Lai vượt ba Thời (quá khứ, hiện tại, vị lai) gia trì, cho nên gọi là Pháp Môn ba câu bình đẳng của Thân Ngữ Ý”*

Xong, **Kinh** này lưu bố tại **Diêm Phù Đề** lược có mười vạn bài kệ. Nếu Đại Chúng nhiều như số bụi nhỏ của mười cõi Phật, mỗi mỗi vị đều rộng diễn Pháp Môn sai khác của Thân Khẩu Ý, tức không có hạn lượng thì thời phần nói Pháp này lại sẽ thế nào ? Cho nên người kết tập nói là: *“Bấy giờ trụ vào ngày của Phật mà diễn nói Pháp vậy”*

Như thời phần của Thế Gian tức có quá khứ, vị lai, hiện tại, lượng Kiếp dài ngắn, mọi loại chẳng đồng. Vả lại ước chừng mặt trời đi khắp bốn Thiên Hạ, một vòng ngày đêm đều có phần đầu, phần giữa, phần sau cho đến ba mươi Thời...thì sát na chẳng trụ, thay đổi đưa đẩy nhau. Dùng con mắt trong sạch xem xét thì tướng của ba bờ mé, rõ ràng không thể được, không có kết thúc, không có khởi đầu, không có đi, không có đến. Tức mặt trời của Thật Tướng này, sáng tròn thường trụ, trong suốt như hư không, không có thời phần, dài ngắn khác nhau

Xong, dùng Thần Lực của Phật khiến cho Hành Giả **Du Già** (Yogì) ở vô lượng kiếp, nói là như khoảng một bữa ăn, hoặc diễn khoảng một bữa ăn dùng làm vô lượng kiếp. Tự tại kéo dài, rút ngắn đều thích hợp với mọi căn cơ, không có tướng chắc chắn nào có thể được, cho nên nói là **ngày của Như Lai** vậy.

Như trong Thời này thì Đức Phật nói Pháp nào ? Tức là Pháp Môn **ba câu bình đẳng của Thân Ngữ Ý**. Nói mọi loại ba Nghiệp của Như Lai đều đến cảnh rất màu nhiệm của Thật Tế bậc nhất. **Thân** (Kàya) ngang bằng với **lời nói** (Vàg: ngữ), lời

nói ngang bằng với **Tâm** (Citta) giống như khắp tất cả nơi chốn của biển lớn cùng có một vị mặn, cho nên nói là **bình đẳng** (Sama) vậy.

\_ **Cú** (câu), tiếng Phạn nói là **Bát Đàm** (Pàdam), phiên dịch chính đúng là **bàn chân** (túc)

**Thanh Luận** nói: “Đó là nghĩa **tiến hành** (đi tới), nghĩa **trụ xứ** (chỗ đứng lại). Như người bước tới, nhấc bàn chân lên, hạ bàn chân xuống thì chỗ mà dấu vết ấy đã trụ, được nói là **Bát Đàm** (Pàdam)”.

Nói Từ: **Cú** (câu), có nghĩa là *dừng lại* cũng như thế. Cho nên đồng một tên gọi vậy.

Nay theo **Tông** này, nói là: “Tu dấu vết của Đạo như vậy, theo thứ tự tiến tu, được trụ tại ba chỗ bình đẳng, cho nên gọi là **Cú** (câu), tức dùng **sự gia trì bí mật** của **thân khẩu ý bình đẳng** làm cửa để vào. Nghĩa là dùng Mật Ấn của Thân bình đẳng, Chân Ngôn của Ngữ bình đẳng, Diệu Quán của Tâm bình đẳng...làm phương tiện, cho nên được nhìn thấy **Thân Gia Trì Thọ Dụng**”

Như vậy **Thân Gia Trì Thọ Dụng** tức là khắp tất cả Thân của Tỳ Lô Giá Na. **Khắp tất cả Thân** tức là **Thân Bình Đẳng Trí** (Sama-jñāna-kāya) của Hành Giả. Chính vì thế cho nên người trụ ở **Thừa** (Nàya) này dùng *chẳng hành mà hành*, dùng *chẳng đến mà đến*, nên gọi là **câu bình đẳng** (Sama-pàdam: Bình Đẳng Cú). Tất cả chúng sinh đều vào trong ấy mà thật ra không có ai vào, không có chỗ đã vào, cho nên gọi là **bình đẳng**. Pháp Môn **bình đẳng** tức là Đại Ý của Kinh này vậy.

\_ **Thời Phổ Hiền Bồ Tát là Thượng Thủ của Bồ Tát ấy, Bí Mật Chủ là Thượng Thủ của các Cháp Kim Cương. Do Tỳ Lô Giá Na gia trì cho nên phần tấn thị hiện Tạng Vô Lượng Trang Nghiêm của Thân...** cho đến **trừ bỏ hạt giống Nghiệp Thọ (Tuổi thọ của Nghiệp) của Hữu Tình, lại có mầm giống mới (mầm giống giải thoát sinh tử luân hồi) sinh khởi.**

Ấy là, sẽ nói Pháp Môn **Bình Đẳng** này cho nên trước tiên dùng **Tự Tại Gia Trì** cảm động Đại Chúng, ắt hiện sự trang nghiêm bí mật của Cảnh Giới **Phổ Môn** (Samanta-mukha-viṣaya), việc chưa từng có chẳng thể nghĩ bàn...Nhân vào nghi vấn ấy mà diễn nói, tức người nghe tăng gấp đôi sự tin vui, vào sâu nghĩa của lời nói...như Nhân Duyên thuộc Phần **Tựa** với Phẩm **Tùng Địa Dũng Xuất** của **Pháp Hoa** (Saddharma-puṇḍarika) thì trong đây sẽ rộng nói.

Lại nữa, các **Nhân Giả** (Jina:bậc chiến thắng) là **Thượng Thủ** (Pramuka) của nhóm Phổ Hiền Bí Mật Chủ...tức là **Trí Thân** sai khác của Tỳ Lô Giá Na, đối với cảnh giới như vậy, từ lâu đã thông đạt. Xong các **Môn Giải Thoát** này đã hiện ra các **Thiện Tri Thức** đều dẫn vô lượng **Chúng Đương Cơ** (Chúng chẳng rời khỏi chỗ ngồi, nghe liền được Đạo) đồng vào **Pháp Giới Mạn Đà La** (Dharma-dhātumaṇḍala) làm việc nhiều ích. Đây là *mới bắt đầu vào Pháp thực hành các Bồ Tát*, cho nên Như Lai gia trì, phần tấn hiện bày sức Đại Thần Thông vậy

Như *vua Sư Tử* sắp muốn gầm rống, ắt trước tiên **phấn tấn** (vươn chồm nhảy dựng lên có khí thế) thân ấy, hiện bày tài năng sức mạnh, sau đó mới phát ra tiếng. *Đức Như Lai* cũng thế, sắp muốn quyết định rống tiếng rống của Sư Tử, tuyên nói

Môn **Nhất Thiết Trí** cho nên trước tiên phần tấn hiện bày **Tạng Vô Tận Trang Nghiêm**.

Nói **Trang Nghiêm** là từ một **Thân bình đẳng** hiện ra khắp tất cả uy nghi, **uy nghi** như vậy không có gì chẳng phải là **Mật Ấn**. Từ một **lời nói bình đẳng** hiện ra khắp tất cả âm thanh, **âm thanh** như vậy không có gì chẳng phải là **Chân Ngôn**. Từ một **Tâm bình đẳng** hiện ra khắp tất cả Bản Tôn, **Bản Tôn** như vậy không có ai chẳng phải là **Tam Muội** (Samàdhi). Xong tướng sai khác của mỗi một Tam Muội này đều không có bờ mé, chẳng thể đo lường cho nên gọi là **Vô Tận Trang Nghiêm** vậy.

Kinh **Như Lai Bí Mật Tuệ** nói rằng: “**Trừ Cái Chướng Bồ Tát** (Sarva nivarana viṣkambhin) ở trong **Pháp Hội**, muốn biết **Thân Lượng** (Kāya-pramāṇa: suy tính tìm xem độ dài ngắn của Thân Thể) của **Đức Phật** cho nên nhờ **Đại Mục Kiên Liên** (Mahā-maudgalyàyana) tìm kiếm. **Mục Liên** lên đến **Phạm Cung** (Barhma-pura:cung điện của Phạm Thiên), do nhìn thấy **Đức Như Lai** như đối trước mắt, từ uy nghi của thân **Phật** cho đến âm thanh nói **Pháp** đều cùng với (**Đức Phật**) ở chỗ của mình không có sai khác.... cho đến dùng hết **Thần Lực** đi đến cõi **Phật** ở phương khác, cũng chẳng khác gì với cung điện của **Phạm Thiên** (Phạm Cung)

Bấy giờ **Trừ Cái Chướng Bồ Tát** cùng với **Mục Liên** chẳng thể đo lường được cho nên tự mình đi đến quán sát, vượt qua mười phương đều như hằng hà sa thế giới, đều nhìn thấy **Đức Như Lai** chẳng rời khỏi chỗ ngồi mà diễn nói **Pháp**... cho đến giáp vòng mười phương, dùng hết thể lực của **Thần Thông** ấy cũng lại như vậy. Sau đó quay trở về, mới nhìn thấy **Trừ Nghi Thiên Nữ** cách **Phật** chẳng xa, nhập vào **Tam Muội**. Liên tác niệm này:”Ta nghe vị **Thiên Nữ** này thông đạt vô lượng Môn **Tam Muội**. Ta nên quán xem nay trụ tại **Định** nào?”

Lại dùng hết **Tâm Lực** xem xét cũng chẳng thể đo lường được nơi mà **Tâm** của vị **Thiên Nữ** ấy đã hành. Tự tập vô lượng cái trống Trời, mỗi một cái đều lớn như **Tu Di Sơn Vương**, dùng **Thần Lực** đồng thời phát ra âm tiếng, muốn khiến cho (**Thiên Nữ** ấy) ra khỏi **Định**, mà chẳng thể được

Cho đến **Đức Phật** nói: “**Khi Ta** chưa phát **Tâm Bồ Đề** thời **Thiên Nữ** đó đã hay trụ tại **Tam Muội** này”

Tức là nghĩa **không có bờ mé** vậy

Như vậy **Tỳ Lô Giá Na** ở khắp tất cả Thế Giới thuộc mười phương, mỗi mỗi đều hiện **Thân Gia Trì** của **Phật**, mỗi một thân đó đều có **Bồ Tát**, **Kim Cương**, **Đại Chúng** nhiều như số bụi nhỏ của mười cõi **Phật**. Các **Căn Tướng** tốt của các **Đại Chúng** này cũng lại nhiều vô biên như dầu mè tràn khắp **Pháp Giới**, ở bên trong không có chỗ hở trống rỗng nào.

Lại như **Quốc Vương** có kho tàng lớn. Nếu cần bảo cho người biết, liền tự tại mở phát rồi đặt bày ban bố, cho nên nói là **Tạng Trang Nghiêm** (Vyùha-garbha) vậy.

Lại nữa, như các **Đại Chúng** này chỉ dùng sức uy thần của **Phật** cho nên được nhìn thấy **Cảnh Giới** chẳng thể nghĩ bàn như vậy. Nếu **Đức Như Lai** buông bỏ sự gia trì liền chẳng hiện ra trước mặt, chẳng phải là chỗ mà **Tự Tâm** hạn lượng ấy có thể



theo kịp. Như Hành Giả: bên trong tu **Bát Chu Tam Muội** (Pratyutpanna-Samàdhi: Thường Hành Tam Muội), bên ngoài nương vào Thần Lực hộ trì thời có thể dùng thân do cha mẹ sinh ra, nhìn thấy mười phương Phật....như ban đêm quang đăng không có mây thì ngửa lên nhìn thấy mọi ngôi sao, lắng nghe **Pháp Âm** (Dharma-ghoṣa) mỗi mỗi rõ ràng không có ngần ngại.

Xong, Cảnh Giới này do Tâm của Hành Giả trong sạch sinh ra ư ? Do Phật gia hộ cho nên sinh ra ư ? Nếu do Nội Tâm tức là từ *Tính của mình* (Tự Tính) sinh ra, nếu do sức của Phật tức là theo *Tính của người khác* (Tha Tính) sinh ra ...thấy đều chẳng khác gì với Luận Nghĩa của Ngoại Đạo. Do **Ta, Người** (Tự Tha) không có cho nên hoà hợp cũng không có. Lại nữa chẳng phải không có Nhân Duyên mà được thành tựu. Tại sao thế ? Vì Nhân bên trong, Duyên bên ngoài tùy theo có chỗ bị thiếu, tức chẳng hiện ra trước mặt. Nên biết Tướng **trang nghiêm** như vậy, khi hiển thời không có chỗ theo đến, khi ẩn thời không có chỗ để đi, rốt ráo bình đẳng, chẳng ra ngoài chỗ Như (Tathà). Cho nên Kinh nói rằng: **“Chẳng phải từ Thân hoặc Ngũ hoặc Ý của Tỳ Lô Giá Na Phật để sinh ra. Tuy mọi bờ mé khởi diệt của tất cả Xứ chẳng thể đắc nhưng tất cả Thân Nghiệp, tất cả Ngũ Nghiệp, tất cả Ý Nghiệp, Tất cả Xứ, tất cả Thời của Đức Tỳ Lô Giá Na nơi Giới Hữu Tình đều diễn nói nói Pháp: Câu (pàdam) của Đạo Chân Ngôn (Mantra-patha, hay Mantra-màrga).**

Điều này uyển chuyển giải thích **Tạng trang nghiêm của Phật** bởi vì điều *không có cùng tận, không có bờ mé* đã chẳng khác gì với **Thân thường trụ chẳng diệt ở khắp tất cả nơi chốn của Như Lai** vậy. Tuy thường không có khởi diệt nhưng hay dùng tất cả ba Nghiệp ở khắp tất cả Thời Xứ trong ba đời, nói Đạo **rất thật** giáo hoá Quần Sinh, **phép tắc** khéo léo khiến cho Tâm của họ đi đến Phật Đạo

\_ Kinh ghi rằng: **“Lại hiện ra Tướng Mạo của nhóm Bồ Tát: Chấp Kim Cương (Vahra-dhàra), Phổ Hiền (Samanta-bhadra), Liên Hoa Thủ (Padmapàni) rộng khắp mười phương tuyên nói Pháp Câu thanh tịnh của Đạo Chân Ngôn từ lúc mới phát Tâm cho đến Thập Địa theo thứ tự sinh đầy đủ ngay trong đời này là : Duyên Nghiệp sinh ra lớn dần, trừ bỏ hạt giống Nghiệp Thọ (Tuổi thọ của Nghiệp) của loài Hữu Tình, lại có mầm giống mới (mầm giống giải thoát sinh tử luân hồi ) sinh khởi”**.

Lại mở rộng Tướng lúc trước. Nói chẳng phải chỉ hiện bày thân Phật tràn đầy tất cả Thế Giới ở mười phương mà chỗ đã hiện ra thân của nhóm Kim Cương, Bồ Tát cũng lại tràn khắp tất cả nơi chốn vậy. Và lại như số hạt bụi nhỏ của mười cõi Phật, các nhóm Chấp Kim Cương, Bồ Tát có **Ấn của Thân Khẩu Tâm** sai khác chẳng đồng. Như vậy Tượng Loại, Quyển Thuộc của mỗi một Bản Tôn đều như Tỳ Lô Giá Na tràn đầy tất cả Thế Giới ở mười phương như **lưới Nhân Đà La** (Indra-jàla: Lưới của Đế Thích) xen kẽ chẳng gây trở ngại cho nhau.

Nay lược gọn, đưa ra ba vị **Thánh Giả** (Àrya) dùng để tôn xưng đầu tiên vậy.

\_ **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhàra) đối với **Kim Cương Trí Tuệ Môn**, là phương tiện **Giáng Phục** (Abhicàraka)

\_ **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra) đối với **Như Như Pháp Thân Môn**, là phương tiện **Tịch Tai** ('Sàntika)

\_ **Quán Âm** (Avalokite'svara) đối với **Liên Hoa Tam Muội Môn**, là phương tiện **Tăng Ích** (Puṣṭika)

Đưa ra ba điểm này tức vô lượng diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn đều dùng nhiếp ngay trong ấy, cho nên đặc biệt nói ra.

Đã nói **nhóm** (đẳng) cho đến chư Thiên, tám Bộ, Thần Tiên Ngũ Thông...là dùng bên ngoài hiện ra nơi biểu thị của **Mạn Đà La** (Maṇḍala), theo tiền lệ có thể biết vậy. Mọi loại **Nhân Duyên** (Hetu-pratyaya), vô số **phương tiện** (Upāya), **Phổ Môn** (Samanta-mukhe) ứng hiện của nhóm như vậy...giáo hoá Quần Sinh, tuy sâu cạn chẳng đồng, xấu ác tốt đẹp có khác nhau. Xong, xét tìm sự thật ấy thời không có gì chẳng phải là **gia trì bí mật**...đều hay mở bày sự thấy biết trong sạch của Như Lai. Nếu là **Thật Tướng Ấn** ấy thì điều khác đều là chỗ sinh của **Ái Kiến** (chấp trước vào người mà khởi yêu thích) cùng với Thiên Ma, Ngoại Đạo làm bè bạn gian lận, há được gọi là nghĩa của **câu trong sạch** (thanh tịnh cú) sao ?

Tiếp lại có lời giải thích nói là **câu trong sạch** tức là **Đốn Giác Thành Phật Thân Thông Thừa** vậy. Nếu Bồ Tát của **Thừa** (Nāya) khác, chí cầu **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi), mỗi mỗi gieo giống, siêng năng chịu khổ, chẳng tiếc thân mạng...trải qua vô số **a tăng kỳ kiếp** (Asamkhyā-kalpa), hoặc có thành Phật, hoặc chẳng thành Phật.

Nay Bồ Tát của Môn Chân Ngôn này, nếu chẳng bị thiếu Pháp, liền phương tiện tu hành cho đến ở trong đời này sẽ kịp thấy Cảnh Giới **vô tận trang nghiêm gia trì**, chẳng phải chỉ hiện ra trước mắt mà thôi. Nếu muốn siêu thăng lên **Phật Địa** (Buddha-bhūmi) liền đồng với Đại Nhật Như Lai, cũng có thể đến được vậy.

Lại nữa, Hành Giả lúc mới phát Tâm thời được vào **A Tự Môn** (𑖀) tức là từ **Tính Kim Cương** (Vajratā) của Như Lai sinh ra mầm giống. Nên biết mầm giống này một đời mỗi mỗi xoay vần tăng tiến thêm, không có nghĩa thoái lui...cho đến thành Bồ Đề, *không có hành nào* (vô hành) có thể tăng thêm, sau đó dừng nghỉ. Cho nên nói là **thứ tự đời này đầy đủ**.

Trong đây, **thứ tự** (Anukrama: thuận theo thứ lớp), tiếng Phạn có nghĩa *chẳng trụ*, nghĩa *tinh tiến*, nghĩa *hành khắp* (biến hành). Tức là do mới phát Tâm muốn vào địa vị của Bồ Tát, cho nên đối với Pháp Yếu của Chân Ngôn này, phương tiện tu hành được đến **Sơ Địa** (Pramuditā-bhūmi: Hoan Hỷ Địa), bấy giờ dùng *không có chỗ trụ* (Apratiṣṭhita: vô sở trụ) tiến Tâm chẳng nghỉ. Vì đầy đủ **Đệ Nhị Địa** (Vimalā-bhūmi: Ly Cấu Địa) cho nên lại y theo Pháp Yếu của Chân Ngôn phương tiện tu hành được đến **Đệ Tam Địa** (Prabhā-karī-bhūmi: Phát Quang Địa), bấy giờ dùng *không có chỗ trụ* (Apratiṣṭhita: vô sở trụ) tiến Tâm chẳng nghỉ. Vì đầy đủ **Đệ Tứ Địa** (Arcis-matī-bhūmi: Diệm Tuệ Địa) cho nên lại y theo Pháp Yếu của Chân Ngôn phương tiện tu hành được đến **Đệ Ngũ Địa** (Sudurjayā-bhūmi). Như vậy thứ tự cho đến đầy đủ **mười Địa** (Da'sa-bhūmi), chỉ dùng *một Hạnh* (nhất hạnh), *một đường lối* (Nhất Đạo) mà thành Chính Giác. Nếu khác với **Môn Phương Tiện**

(Upàya-mukhe) mở ý **hiển mật** cũng đều chẳng lìa **Thừa quý báu** (Bảo Thừa: Ratna-nàya) như vậy.

**Duyên Nghiệp sinh** nghĩa là Hữu Tình vì nhân duyên **Si Ai** đã gây tạo mọi loại nghiệp hư vọng chẳng trong sạch thuộc Thân Khẩu Ý, cỡi trên Nghiệp như vậy sinh vào Thân trong sáu nẻo, tăng trưởng luân hồi chịu đủ các nỗi khổ.

Nay tu Môn **Bình Đẳng Tam Nghiệp Thanh Tịnh Tuệ** thì hạt giống **Nghiệp Thọ** của tất cả **Uẩn** (Skandha), **A Lại Gia** (Àlaya: Tàng Thức) thấy đều bị thiêu đốt diệt trừ, được đến Tâm Đại Bồ Đề không dơ như hư không (hư không vô cấu đại Bồ Đề Tâm). Tất cả hạt giống bình đẳng của Như Lai từ trong **Bi Tạng** (Kàruṇa-garbha) sinh ra mầm giống **Pháp Tính** (Dharmatà) cho đến cọng, lá, hoa, quả tràn đầy khắp các Pháp Giới, thành cây vua Bồ Đề mở bày vạn Đức (Vạn Đức Khai Phu Bồ Đề Thọ Vương)

Xong, dùng bốn nghĩa **chẳng sinh** mà xem xét thì đều *không có chỗ phát khởi* (?không có nơi hướng đến), cũng *không có chỗ nổi lên*, tức là **Đại Không Sinh** vậy. Cho nên nói **Trừ bỏ hạt giống Nghiệp Thọ của Hữu Tình lại có mầm giống mới sinh khởi**

Lại nữa, Đức Như Lai đã hiện ra Các Thiện Tri Thức với Pháp Môn nhiều như số bụi nhỏ của mười cõi Phật khiến theo thứ tự xem xét, lắng nghe. Tức vô lượng vô biên a tăng ký kiếp chẳng thể vòng khắp. Do ngày của Phật gia trì cho nên ở khoảng thời gian ngồi trong Hội thấy đều hiện ra trước mặt, tức là sắp nói Kinh này nên hiện bày tướng **điềm tốt lành của Thân Thông** chẳng thể nghĩ bàn vậy.

Như **Văn Thù Sư Lợi** (Maṃju'srì) nhìn thấy **Bạch Hào** (Ûra: sợi lông màu trắng uốn xoay theo bên phải ở tam tinh) đã soi sáng mọi loại Nhân Duyên của các Bồ Tát trong một vạn tám ngàn cõi nước, đều là hành **Bồ Tát Đạo** (Bodhisatva-màrga) liền biết chư Phật sắp muốn mở **Quyển hiển Thật**, nói **Kinh Pháp Hoa** (Puṇḍarika-sùtra).

Nên biết nhóm **Kim Cương Thủ** (Vajra-pàṇi) cũng lại như vậy, nhìn thấy khắp Thế Giới được gia trì, chỉ nói **Pháp Môn Bình Đẳng** (Sama-dharma-mukhe) liền biết Đức Như Lai sắp diễn nói Giáo **Tự Tâm thành Phật của tất cả Thừa** (Nàya). Cho nên **sự thưa hỏi** của văn bên dưới đều nương vào điều này mà sinh ra vậy.

*\_ Bấy giờ, Cháp Kim Cương Bí Mật Chủ ngồi trong Chúng Hội ấy bạch với Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Đấng Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri (Tathàgatàrhate samyaksambuddha) đắc được Nhất Thiết Trí Trí (Sarvajñajñàna) cho đến Trí Tuệ như vậy, lấy gì làm NHÂN (Hetu) ? Lấy gì làm CĂN (Mùla: gốc rễ)? Lấy gì làm CỨU CẢNH (Uttara)? “*

Trí **tự chứng** của Như Lai, giả sử dùng Thần Lực gia trì cũng chẳng thể bảo cho người biết được. Lúc trước nói là **Phấn tán hiện bày Tạng Vô Tận Trang Nghiêm** đều là dấu tích dùng bên ngoài vậy. Bậc Trí nhìn thấy ngọn ngành ấy liền hiểu rõ gốc rễ của **Tông** ấy. Như xem xét dấu tích của con voi vượt hơn hẳn bầy đàn, chỗ con voi ấy đã nhảy dẫm lại sâu rộng gấp bội, tuy chẳng nhìn thấy hình của con voi ấy nhưng ngay lúc đó vẫn biết con voi này có thân rất lớn.

Nay các Đại Chúng cũng lại như thế. Do xem xét Thân Khẩu Ý vô tận của Như Lai, có thể **một lúc** ứng khắp chúng sinh trong Pháp Giới, khéo hợp với **Căn** (Indriya), thích hợp uyển chuyển thành việc Phật, liền biết Trí Lực của Như Lai ở một niệm soi khắp *gốc, ngọn, nhân duyên, cứu cánh* của **Quần Cơ** (vạn vật) không có trở ngại.

Đối chiếu với việc tạm thời của đời còn như vậy. Thế thì **cảnh giới thật** của Khế ấy lại phải thế nào ? Nếu Pháp chẳng như thế, tức có dấu vết nhỏ nhiệm có thể tìm, Ta đã nhìn thấy hết, nhưng chẳng biết Pháp đó theo đâu mà được ?!...Cho nên **Chấp Kim Cương Thủ** nhân theo Tâm nghi ngờ của Chúng Hội mà hỏi Đức Phật rằng: “**Đấng Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri** (Tathagatārhatē samyaksambuddha) **đắc được Nhất Thiết Trí Trí** (Sarvajña-jñāna) **như thế nào ?**”

Bản Phạn nói rằng **Đát Tha Yết Đa** (Tathāgata). **Đát Tha** (Tathā) nghĩa là *Như*, **Yết Đa** (Gata) nghĩa là *đi đến* (lai), nghĩa là *biết hiểu*, nghĩa là *nói*, nghĩa là *rời đi* (khứ), như chư Phật nương theo Đạo **Như Thật** đi đến thành Chính Giác, nay Đức Phật cũng đi đến như vậy, cho nên gọi là **Như Lai**.

Tất cả chư Phật như Thật Tướng của Pháp mà biết hiểu. Biết xong cũng như Thật Tướng của các Pháp vì chúng sinh mà nói, nay Đức Phật cũng như thế, cho nên gọi là *biết như thật*, cũng gọi là *nói như thật*. Tất cả chư Phật được Tính an vui như vậy, thẳng đến bên trong **Niết Bàn** (Nirvāṇa), nay Đức Phật cũng rời đi như vậy, cho nên gọi là **Như Khứ**

**Thích Luận** chứa đủ bốn nghĩa, xong phần lớn người xưa dịch là **Như Lai**. **Hữu Bộ Giới Bản** nói là **Như Khứ**. **A Xà Lê** lưu giữ Ý **Như Khứ, Như Thuyết**. Nay thuận theo xưa mà nêu ra vậy.

\_ Bản Phạn nói **A La Ha** (Arahat). **A La** (Ara) là *phiền não*. **Ha** (Hat) nghĩa là *hại*, nghĩa là *trừ*.

**Thích Luận** nói là *Sát Tặc* (giết giặc). Đức Phật dùng áo giáp **Nhẫn Tiến**, cỡi con ngựa **Trì Giới**, cầm cây cung **Định** mũi tên **Tuệ**...bên ngoài thì phá quân của **Ma Vương** (Màrà-rāja), bên trong thì diệt giặc **Phiền Não** cho nên dùng làm tên gọi.

Lại **A** gọi là *chẳng phải* (bất), **La Ha** gọi là *sinh ra* (sinh). Tức là Hạt giống của Tâm Phật ở trong ruộng của đời sau *chẳng sinh* bởi vì thoát khỏi vỏ trứng Vô Minh.

Lại nữa **A La Ha** (Arahat) nghĩa là *xứng đáng nhận sự cúng dường*. Do có Công Đức như vậy nên xứng đáng nhận sự cúng dường tối thượng của Trời Người, cho nên dùng làm tên gọi vậy.

\_ Bản Phạn nói **Tam Miệu Tam Phật Đà** (Samyaksambuddha). **Tam Miệu** (Samyak) gọi là *chính*, **Tam** (Sam) gọi là *khắp cả* (biến), **Phật Đà** (Buddha) gọi là *biết* (tri). Cho nên nói là **Chính Biến Tri** vậy.

**Thích Luận** nói rằng: “*Nếu có người nói Tại vì sao chỉ có Đức Phật nói như thật, đến như thật, đi như thật, xứng đáng nhận sự cúng dường tối thượng vậy ? Do Đức Phật được Chính Biến Trí Tuệ cho nên Chính gọi là Tướng chẳng*

động chẳng hoại của các Pháp, **Biến** gọi là **Chẳng** vì một Pháp hai Pháp cho nên dùng đều biết tất cả Pháp không dư sót. Đấy gọi là **Tam Miếu Tam Phật Đà**”

Xong trong **Tông** này thì **Phật Đà** (Buddha) gọi là *hiểu biết* (giác) là nghĩa mở bày (khai phụ), tức là do Trí Tuệ tự nhiên hiểu biết khắp tất cả Pháp, như hoa sen nở rộ xum xuê không có một điểm dư bản, cũng hay mở bày tất cả chúng sinh, cho nên gọi là **Phật** vậy.

\_ Tiếng Phạn nói **Tát Bà Nhã Na** [? **Tát Bà Nhã Na Nhã Na** (Sarvajñā-jñāna)] lúc là **Nhất Thiết Trí Trí**

**Thích Luận** nói rằng: “**Tát Bà Nhã Đa** (Sarva-jñā) tức **Nhất Thiết Trí. Nhất Thiết** (Sarva) tức là vô lượng Pháp Môn của nhóm **Danh sắc** (Nāma-Rūpa) đều nhiếp tất cả Pháp. Như vậy vô lượng nhóm một, hai, ba, bốn, năm, sáu...cho đến a tăng kỳ Pháp Môn nhiếp tất cả Pháp. Trong tất cả Pháp đó thì tướng **một**, tướng **khác lạ**, tướng **rò rỉ**, tướng **chẳng phải rò rỉ**, tướng **tạo làm**, tướng **chẳng tạo làm**...Mỗi mỗi **Tướng**, mỗi mỗi **sức**, mỗi mỗi **nhân duyên**, mỗi mỗi **quả báo**, mỗi mỗi **Tính**, mỗi mỗi **cái được**, mỗi mỗi **cái mất** của tất cả Pháp...do tất cả sức của Trí Tuệ cho nên hiểu biết cùng khắp tất cả **đời**, tất cả **mầm giống**....đấy gọi là **Tát Bà Nhã**. Nay nói là **Nhất Thiết Trí Trí** tức là **Trí trong Trí** vậy”

Chẳng phải chỉ dùng tất cả **loại** (chủng) biến khắp tất cả Pháp, cũng biết **cửu cánh thật tế** của Pháp đó là Tướng *thường chẳng hoại*, chẳng thêm chẳng bớt giống như Kim Cương. Cảnh Tự Chứng như vậy muốn nói thì không có lời, xem xét thì không có thấy, chẳng đồng với quả **Am Ma Lạc** (Àmra) trong bàn tay, có thể chuyển trao cho người khác vậy.

Nếu có thể dùng ngôn ngữ trao truyền cho người thì **Thích Ca Bồ Tát** nương vào lúc Đức **Định Quang** (Dīpaṃkara: Nhiên Đăng Như Lai) quyết định trao truyền tức liền thành Phật. Tại sao phải tu đủ phương tiện, đón đợi đến khi *không có Thầy, tự mình giác ngộ* mới gọi là **Phật** ư ?

Lại như con mắt nhìn người đời bị dao gậy gây thương tích. Tuy tin rằng kẻ ấy chịu khổ không có thể nghi ngờ, nhưng mọi loại khiến nói, cuối cùng chẳng thể chứng biết được. Nếu tự thân mình tiếp nhận liền được hiểu rõ ràng vậy.

Ý của **câu hỏi** nói là: “*Vì sao khiến chúng Ta đợi được **Tuệ của Tự Giác** như vậy? Tại sao được Tuệ này xong lại hay vì vô lượng chúng sinh rộng diễn, chia bày tùy theo mọi loại **lối nẻo**, mọi loại **Tính Dục**, mọi loại **Đạo Phương Tiện**, tuyên nói **Nhất Thiết Trí Trí**. Ấy là an lập vô lượng **Thừa** (Yāna), hiện bày vô lượng **Thân** (Kāya), mỗi mỗi đều đồng với ngôn âm của Thân ấy, trụ uy nghi của Thân ấy mà Đạo **Nhất Thiết Trí** này như đồng một **Vị**, ấy là **Vị Giải Thoát của Như Lai** ? Phương Tiện màu nhiệm này làm thế nào mà được vậy ?”*

Trong đây, **mọi loại lối nẻo**. Tiếng Phạn nói là **Na Diễn** (Naya), cũng gọi là **Hành** (Saṃskāra), cũng gọi là **Đạo** (Patha, hay Mārga), đồng với nghĩa bên dưới nói là *nhóm của **Đạo Đại Thừa*** (Mahā-yāna-naya) vậy.

**Tỳ Bà Sa** (Vibhāṣā) nói có **năm Đạo**, người của **Ma Ha Diễn** (Mahā-yāna: Đại Thừa) phần lớn nói **sáu Đạo**. Như vậy rộng diễn cho đến trong Thế Giới này đã

có 36 **câu chi** (Koti: một trăm triệu) lối nẻo của Chúng Sinh, hướng chi là tất cả Thế Giới ở mười phương vậy.

\_ **Tính Dục** (Prakṛti-chanda). **Dục** (Chanda, hay Rajas) gọi là **niềm tin** ('Sradhà), vui sướng, yêu thích, cảm giác thích thú của thân tâm (Sukha: lạc) ...như **Tôn Đà La Nan Đà** (Sundara-nanda) yêu thích **năm dục** (Pañca-kàmàh), **Đề Bà Đạt Đa** (Devadatta) yêu thích *danh tiếng*...cho đến các người đắc Đạo cũng đều có chỗ yêu thích, như **Đại Ca Diếp** (Mahà-Kà'syapa) yêu thích **Đầu Đà** (Dhùta), **Xá Lợi Phất** ('Sàriputra) yêu thích **Trí Tuệ** (Prajñà), **Ly Bà Đa** (Revata) yêu thích *ngồi Thiền*, **Ưu Bà Ly** (Upàli) yêu thích trì giữ **Tỳ Ni** (Vinaya: Luật), **A Nan** (Ānanda) yêu thích **Đa Văn** (Bahu-'sruta)...nên rộng nói ra

**Tính** (Prakṛti) gọi là Tướng *gom góp cất chứa*. Từ Tính sinh ra **ham muốn** (Dục: rajas). Tuỳ theo Tính tạo làm **Hạnh** (Caryà). Hoặc có lúc tuý theo **ham muốn** làm Tính, gom chứa ham muốn thành Tính.

**Tính** (Prakṛti) gọi là *Tâm nhiễm vì việc*. **Dục** (Chanda, hay Rajas) gọi là *tuý theo Duyên khởi*. Việc đó, trong **Thích Luận** minh hoạ đủ.

\_ Mọi loại **Đạo Phương Tiện** (Upàya-naya)

**Long Thọ** (Nàgàrjuna) nói rằng: "*Bản Thể của **Bát Nhã** (Prajñà) cùng với **Phương Tiện** (Upàya) là một, nhưng chỗ dùng có khác. Ví như người Thầy làm vàng (Kim sư)dùng phương tiện khéo cho nên đem vàng làm mọi loại vật khác nhau, tuy đều là vàng nhưng đều khác tên gọi*"

Nay Đức **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana) cũng lại như vậy, hay dùng **Trí Thể** vàng ròng của khắp tất cả nơi chốn, tạo ra mọi loại **Thừa** (Yàna)

Lại nữa, ý hỏi trong đây tức là phát khởi **đại Bi Thai Tạng Mạn Đà La** vậy. Ở đất tâm bình đẳng của **Tát Bà Nhã** (Nhất Thiết Trí) vẽ làm chư Phật, Bồ Tát cho đến Nhị Thừa, tám Bộ... bốn lớp Đàn tròn (viên đàn) của Pháp Giới. Ấn *Thân, ngữ, Tâm* của mỗi một Bản Tôn này là một loại *Thừa sai khác* vậy. Vả như có người cầu Đạo **Ngũ Thông Trí** liền từ Đại Bi Thai Tạng hiện hình **Vi Đà Phạm Chí**, vì kẻ đó nói Pháp **Chân Ngôn Hạnh** của nhóm **Cồ Đàm Tiên** (Gautama-rṣi), Hành Giả siêng năng chẳng lâu sẽ thành **Tiên Nhân** này, càng chuyển phương tiện liền thành **thân Tỳ Lô Giá Na** vậy.

Như vậy hoặc hiện thân Phật nói mọi loại **Thừa** (Yàna) cho đến hiện thân Phi Nhân nói mọi loại Thừa tuý theo hình, tiếng của mỗi loại đều là Chân Ngôn, Mật Ấn. Hoặc lâu hoặc gần không có gì chẳng phải là Nhân Duyên của **Độc Cổ** (Tiếng của Phật Tính thường trụ, hay giết hại năm Nghịch mười Ác của chúng sinh khiến vào Phật Đạo). Cho nên **Kinh** nói rằng: "*Đều đồng một **Vị**, ấy là **Vị Giải Thoát của Như Lai***" vậy

Sở dĩ như thế vì Thật Tướng **sắc tâm** của chúng sinh từ **Bản Tế** (Bờ mé cứu cánh của Bản Thể) đến nay, thường là thân **Bình Đẳng Trí** của Tỳ Lô Giá Na, chẳng phải là lúc được Bồ Đề thời cường ép các Pháp của **Không** ('Sùnya) thuận tiện thành Pháp Giới vậy.

Đức Phật từ đất Tâm bình đẳng khai phát **Vô Tận Trang Nghiêm Tạng Đại Mạn Đà La** xong, quay trở lại dùng khai phát **Vô Tận Trang Nghiêm Tạng Đại**

**Mạn Đà La** thuộc đất tâm bình đẳng của chúng sinh, diệu cảm diệu ứng đều chẳng ra khỏi **Môn chữ A**. Nên biết phương tiện được sinh ra từ Nhân Duyên cảm ứng cũng lại chẳng ra khỏi Môn chữ a. Ví như trong biển lớn, sóng to sóng nhỏ xô đập nhau bật tung lên làm **Năng Sở**, nhưng cũng đều đồng một Vị, ấy là **vị mạn** vậy.

\_ Lại nữa Chấp Kim Cương nương theo Thần Lực của Đức Phật, vì muốn phát khởi phương tiện bí mật của Đại Bi Thai Tạng, cho nên lại nói năm loại thí dụ. Ấy là: **hư không, đất, nước, lửa, gió** vậy.

**Câu đầu tiên** nói rằng: “*Ví như **Hư Không Giới** (Àkà'sa-dhātu) là tất cả phân biệt, không có phân biệt, không có không phân biệt. Như vậy **Nhất Thiết Trí Trí** là tất cả phân biệt, không có phân biệt, không có không phân biệt*”

Như nghĩa của **Tỳ Bà Sa** (Vibhāṣā: sách chú thích) thì Hư Không không có lỗi lầm, không có Đức. Nay **Trí Thân** của Như Lai là tất cả lỗi lầm, thành tựu vạn Đức thì làm sao đem ra ví dụ được ? Chẳng qua chỉ lấy chút ít phần tương tự so sánh với **Đại Không** vậy.

Trong đây, Tương so sánh có ba nghĩa: một là *Hư Không rất ráo trong sạch*, hai là *không có bờ mé*, ba là *không có phân biệt*. Cho nên Tâm Tính của Nhất Thiết Trí cũng như vậy. Dùng cái *Không dễ hiểu của Thế Gian* ví dụ cho cái *Không khó hiểu* vậy

Ban đầu nói là *Là tất cả phân biệt*, tiếng Phạn là **Kiếp Bả** (Kalpa). Tiếp nói là *không có phân biệt*, tiếng Phạn là **Kiếp Bả Dạ Đế** (Kalpayati). Sở dĩ nói lại lần nữa là *bên trên sự phân biệt lại sinh ra nghĩa phân biệt*. Ví như **Tâm** (tìm kiếm) **Tứ** (dò xét), lúc lược xem xét thời gọi là **Tâm**, quán sát kỹ lưỡng gọi là **Tứ**. Lại như lúc **Nhân Thức** sinh ra thời có *phân biệt thô suất*, tiếp đến **Ý Thức** sinh ra thì là *phân biệt tinh tế*

**Cựu Dịch** có nói rằng: “*Đem **Kiếp Bả** làm **Vọng Cháp**, ví dụ cho ý nói rằng: Giống như Hư Không do không có vọng chấp, phân biệt cho nên không có phân biệt, cũng không có không phân biệt vậy*”

Lại như Hư Không là mọi loại hiển hình sắc tướng, không có chỗ tạo tác mà hay dung chứa vạn tượng. Tất cả cỏ, cây nhân vào đó sinh trưởng, sự nghiệp của Hữu Tình y theo đó được thành. Hư Không của Phật Trí cũng lại như vậy, tuy là tất cả tướng, thường không có phân biệt, khởi làm...mà vô lượng **Độ Môn**, mọi loại **Diệu Nghiệp** đều được thành tựu. Cho nên dùng làm ví dụ vậy.

\_ **Câu thứ hai** nói rằng: “*Ví như **Đại Địa** (Pṛthivi-dhātu) là chỗ nương tựa của tất cả chúng sinh. **Nhất Thiết Trí Trí** như vậy là chỗ nương tựa của Trời, Người, A Tu La*”

Như trăm giống lúa đậu, mọi loại thuốc, cỏ, cây, rừng rậm của Thế Gian...tùy theo Tính Phần của mỗi thứ ấy có vô lượng sai khác, đều từ Đại Địa mà sinh ra mầm, rễ cho đến cọng, lá, hoa, quả theo thứ tự thành tựu. (Đại Địa) vì tất cả chúng sinh làm chỗ ở rồi nuôi dưỡng... cũng chẳng tác niệm này: “*Nay Ta gánh vác tất cả Thế Gian, chẳng nghĩ đến Ân Đức, làm việc không có mệt mỏi, tăng thêm cũng chẳng vui, giảm bớt cũng chẳng lo, sâu rộng khó lường, chẳng thể nghiêng động*”.

Đất **Nhất Thiết Trí** cũng lại như vậy, là nơi mà tất cả hạt giống của **Đại Bi Mạn Đà La** đã sinh ra, tức là chỗ mà vô lượng sự nghiệp của các Thừa nương dựa, cư trú. Đối với Sinh Tử, Niết Bàn thì Tâm ấy bình đẳng, **tám gió** (có ích, hao tổn, chê bai, khen ngợi, xứng đáng, quở trách, đau khổ, vui sướng) của Thế Gian chẳng thể lay động. Dem chút phần của nhóm như vậy cho nên dùng làm ví dụ vậy.

\_ **Câu thứ ba** nói rằng: “*Ví như **Hoả Giới** (Tejo-dhātu) thiêu đốt tất cả củi không có chán đủ. Như vậy **Nhất Thiết Trí Trí** thiêu đốt tất cả củi **Vô Trí** không có chán đủ*”

Ví như loại lửa (hoả chủng), giả sử gom chất củi tràn đầy Thế Giới đều như **Tu Di Sơn Vương** rồi theo thứ tự thiêu đốt, không có hèn yếu...cũng chẳng tác niệm này: “*Ta đang thiêu đốt số củi như thế, chẳng thiêu đốt số củi như thế, sáng rực chẳng ngưng, tiến lên không có chán, cần thiết là chỗ được thiêu đốt đã hết xong, sau đó tùy tan mất.*”

Lửa Trí của Như Lai cũng lại như vậy. Thiêu đốt tất cả củi phiền não, hý luận cho đến khi Duyên đối đãi đều hết, tức ánh sáng Tuệ (Tuệ Quang) này cũng không có chỗ nương tựa.

Lại như lửa của Thế Gian là loại mà kẻ sang, người hèn đều dùng. Hay ở trong đêm tăm tối, làm ánh sáng chiếu soi khiến cho kẻ bị mê hoặc, té ngã đều được thấy lối đi chính. Lại đều hay thành tựu tất cả các vật.

Như vậy, lửa **Nhất Thiết Trí** đều bình đẳng hiện hữu nơi **bạc Thánh** (Àrya), **Di Sinh** (Prthag-jana: Xưa dịch là *Phàm Phu*). Ở trong đêm dài từ vô thủy, khiến cho các Hành Nhân nhìn thấy con đường **Như Thật**, theo thứ tự thành tựu tất cả Phật Pháp cho nên dùng làm ví dụ.

\_ **Câu thứ tư** nói rằng: “*Ví như **Phong Giới** (Vāyu-dhātu) trừ tất cả bụi bặm. Như vậy **Nhất Thiết Trí Trí** trừ bỏ tất cả bụi bặm phiền não*”

Như khi gió lớn nổi lên thời khói, mây, bụi bặm, sương mù...tất cả bị tiêu trừ, **Đại Không** mở rộng bao la, **ba Thân** (mặt trời, mặt trăng, ngôi sao) hiện sáng tỏ, hưng thịnh sức nóng bốc lên, khiến cho chúng sinh đang bức bối đều được trong mát. Hay khiến cho cỏ, cây, rừng rậm... tăng trưởng tươi tốt, cũng hay tồi hoại tất cả vật loại (vạn vật). Lại như Tính của gió đi khắp nơi, không có chỗ nương tựa, tự tại xoay chuyển không bị chướng ngại

Gió Tuệ của Như Lai cũng lại như thế, trừ sạch tất cả bụi đất phiền não lơ lửng ngăn che, khiến chứng **Pháp Tính** (Dharmatā) trong mát của Niết Bàn. Lại hay khiến cho tất cả **Thiện Pháp** (Ku'sala-dharma) thuộc **Thế Gian** (Loka, hay Laukika), **Xuất Thế Gian** (Lokottara) tăng trưởng, tồi hoại cây đại thụ Vô Minh, nhổ bứt gốc rễ của nó... mà sức không có chướng ngại này đều không có chỗ nương tựa, cho nên dùng làm ví dụ vậy.

\_ **Câu thứ năm** nói rằng: “*Ví như **Thủy Giới** (Ab-dhātu) là nơi nương tựa cho tất cả chúng sinh hoan lạc. Như vậy, **Nhất Thiết Trí Trí** cũng làm lợi lạc cho chư Thiên và người đời*”.

Như Đức của **Thủy Đại** từ trên cao chảy xuống, nhiều nơi được nhiều ích, hay thấm ướt cỏ cây rồi sinh ra hoa quả. Lại nữa, Bản Tính của nước vốn trong sạch tinh



kiết, không có dơ không có đục, đều hay làm cho chúng sinh đói khát được đầy đủ, tẩy rửa các căn dơ, trừ sạch nhiệt não, lắng sâu vào chỗ khó vào chẳng thể đo lường. Ở chỗ của *hâm, hổ* đều có Tính bình đẳng.

Nước Trí của Như Lai cũng lại như vậy, từ **Chân Pháp Giới** tuôn chảy đến Thế Gian, thấm ướt các **Đẳng Trì** (Samàdhi) sinh Pháp **Trợ Đạo** thành quả trái lớn, lợi ích quần sinh. Do Thể không có phiền não cho nên trong sạch tinh khiết, do hay lia các **Hoặc** (Tâm hư vọng) cho nên không có dơ bẩn, do *một tướng* không có khác cho nên không có vẩn đục. Chư Hữu được **nước Trí** đó cho nên dứt hết lo nghĩ nguyện cầu, liền được Định **trong mát** (Thanh Lương Định: Tam Muội hay đoạn trừ yêu ghét) tẩy trừ trần lao, lặng yên trong sáng khó nghĩ bàn, chứng **Tính Bình Đẳng** (Samatà), cho nên dùng làm ví dụ vậy.

Lại nữa, Kim Cương Thủ nói năm ví dụ này, tức là phát khởi nghĩa của năm chữ ở văn bên dưới vậy.

**A Tụ Môn** (𑖀\_A) là đất (Pṛthivi)

**Phộc Tụ Môn** (𑖂\_VA) là nước (Ab)

**La Tụ Môn** (𑖄\_RA) là lửa (Tejo, hay Agni)

**Ha Tụ Môn** (𑖆\_HA) là gió (Vàyu)

**Khư Tụ Môn** (𑖈\_KHA) là hư không (Àkà'sa)

Lại như hạt giống của Thế Gian thì *đất, nước, lửa, gió* làm Duyên cho *Hư Không* chẳng ngại, sau đó được sinh, nếu thiếu một Duyên thì cuối cùng chẳng thể tăng trưởng.

Hạt giống Như Lai của **Nhất Thiết Trí Tính** cũng lại như vậy. Tức dùng năm nghĩa của **Nhất Thiết Trí Môn** tự làm mọi Duyên hay đến Diệu Quả thường trụ của **Bồ Đề** (Bodhi), ấy là Nhân Duyên *chẳng sinh chẳng diệt* chẳng thể nghĩ bàn vậy.

Kim Cương Thủ nhìn thấy tướng **Pháp Giới Gia Trì** độc nhất của Như Lai, nên tâm đã suy nghĩ kỹ, ắt biết sẽ nói Pháp Môn như vậy, cho nên trước tiên ví dụ cho Công Đức ấy, phát khởi Đại Hội sinh nền tảng hiểu biết, sau đó hỏi Phật : “*Trí Tuệ như vậy, lấy gì làm Nhân* (Hetu)? *Lấy gì làm gốc rễ* (Mùla: căn)? *Lấy gì làm Cứu Cánh* (Uttara)?” vậy

Từ đây về sau, Trí Ấn của Như Lai xác định Tâm ấy, rộng phân biệt nói. Ví dụ như **Di Lạc Bồ Tát** (Maiterya-bodhisatva) nhìn thấy điềm lành do Thần Thông của Đức Phật, tức thời Tâm ấm ức cầu thông đạt, có sự nghi ngờ là “*nói Pháp mà Đạo Trường đã được*” hay là “*trao cho Bồ Đề Ký*” ?. **Văn Thù** (Mañju'srì) phát huy Danh Thể chỉ cho biết là “*nói Diệu Pháp Liên Hoa, sau đó Đức Như Lai hợp dùng Thật Tướng nương theo căn cơ diễn nói, khiến học trò động chấp được lia lưới nghi ngờ*”. Ví như mùa xuân thì khí dương bắt đầu sinh ra khiến cho mầm giống nứt vỏ. Khi sấm, gió cổ động thời mưa thấm ướt tưới khắp, được lia vỏ bọc, tự nhiên như thế sinh ra.

Nếu người không có căn cơ, tức tuy được gặp **Tế Hội** cũng chẳng thể phát khởi ích lợi sâu xa vậy.

**– Đức Tỳ Lô Giá Na Phật bảo Trì Kim Cương Bí Mật Chủ rằng :” Lành thay ! Lành thay Cháp Kim Cương ! Lành thay Kim Cương Thủ ! Ông đã hỏi Ta về Nghĩa như vậy. Ông hãy lắng nghe, hãy khéo tác ý ! Nay Ta sẽ nói ....cho đến Các Pháp không có Tướng là tướng của Hư Không “.**

Do Cháp Kim Cương Bí Mật Chủ dự đoán được ý thâm sâu của Như Lai gia trì, lại hay phát khởi thời Chúng phẩn tấn sinh Nhân Duyên hiểu biết, nương nhờ đo lường Tâm của Thánh, chẳng mất cơ hội, cho nên lập lại rằng **“Lành thay ! Lành thay !”**

Ta xem xét tất cả Trời, Người, Sa Môn, Bà La Môn cho đến các Bồ Tát có Hạnh cạn kiệt...không thể ở trước mặt Đức Thế Tôn phát ra câu hỏi như vậy. Tại sao thế ?” Do trong nghĩa của ba câu này đều nhiếp tất cả việc thâm sâu, Thần Lực bí mật của Phật Pháp, cho nên lại khen rằng: **“Lành thay Kim Cương Thủ ! Ông hay hỏi Ta về nghĩa như vậy”**

Do ngôn âm Lành thay của Đức Như Lai đã gia trì cho nên, khi ấy vô lượng Công Đức của Kim Cương Thủ tăng thêm gấp bội, lại hiểu rõ nơi Pháp đã thọ nhận, cuối cùng không có rỉ mắt.

Tiếp theo liền nói lời răn dạy:” **Ông nên nghe cho kỹ ! Hãy khéo tác ý ! Nay Ta sẽ nói”**. Cũng vì Đệ Tử vị lai, nói rõ lời căn dặn này là *khi nghe nên dùng Tâm sâu xa thọ nhận nghi thức của Pháp*

Cho nên Thích Luận nói rằng: *“Nếu người có Tâm khéo tin thẳng thời người đó có thể nghe Pháp. Nếu không có Tướng đó tức chẳng thể hiểu”*

Như nói Kệ rằng:

*Người nghe, thẳng thân như khát uống*

*Một lòng vào nghĩa lời nói*

*Hớn hở nghe Pháp, tâm buồn vui (Bi Hỷ)*

*Người như vậy, nên vì họ nói*

Theo Kinh Vô Tận Ý thì dùng Tâm có ba mươi hai câu, Công Đức đã được rộng nói

**– Kinh nói rằng:”Đức Phật bảo Kim Cương Thủ: “Hãy lấy Tâm Bồ Đề (Bodhi-citta) làm Nhân (Hetu), Bi (Kàruṇa) làm gốc rễ (Mùla: căn), Phương Tiện (Upàya) làm Cứu Cánh (Uttara)”**

Giống như hạt giống của Thế Gian, nương vào mọi Duyên của bốn Đại (Đất, nước, gió, lửa) cho nên được sinh rễ, như vậy theo thứ tự cho đến quả trái thành tựu, mới gọi là **Cứu Cánh**. Xong, dùng Trung Trí xem xét điều đó thì rất ráo *chẳng sinh chẳng diệt*. Chính vì thế cho nên thành nghĩa của Nhân Quả. Nếu Pháp chẳng như thế thì có tướng *sinh diệt, đoạn thường* tức rơi vào Hý Luận thấy đều có thể phá, nên nghĩa của Nhân Quả chẳng thành vậy.

Nay Hành Giả quán **Thật Tướng của Tâm** cũng lại như vậy, vượt qua tất cả Hý Luận như hư không trong sạch. Ở bên trong chứng Hạnh đã làm, được sức tin thâm sâu, Tâm Tát Bà Nhã (Sarva-jñà-citta:Nhất Thiết Trí Tâm) bền chắc chẳng

động, lia nghiệp Thọ Sinh, thành tựu Chân Tính, sinh vạn Hạnh. Công Đức từ đây tăng trưởng, cho nên nói rằng: “**Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) **làm Nhân** (Hetu)” vậy.

Tâm Bồ Đề này là **Nhân** (Hetu) của hai câu sau. Nếu trông vào nơi đã gieo trồng **căn lành** (Ku’sala-mùla) trong sinh tử, tức gọi là **Quả** (Phala), do nhìn thấy Tướng lúc trước của Phật Pháp cho nên ví như có người nghe **Thiện Tri Thức** (Kalyàṇa-mitra) nói: “*Nay trong nhà của ông, tự có kho báu không tận, nên tự mình siêng năng tìm phương tiện để khai phát nó thì có thể khiến chu cấp cho một nước thường không có thiếu thốn*” Người ấy nghe xong liền sinh niềm tin chân thật, rồi làm theo lời nói ấy, cho đến ra công chẳng ngừng, dần dần nhìn thấy tướng lúc trước. Bấy giờ, đối với Công Đức của kho báu nên lia Tâm nghi ngờ, có thể hay phát khởi **Gia Hạnh** (Prayoga: Phương tiện, tức gia công dùng hành) thù thắng, cho nên **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) tức là nghĩa của *Tâm tin tưởng trong trắng tinh khiết* (Bạch tịnh tín tâm) vậy.

**Thích Luận** cũng nói rằng: “*Biển lớn của Phật Pháp, nếu tin thì hay vào được* (năng nhập). Như khi **Phạm Thiên Vương** thỉnh chuyển Pháp Luân thời Đức Phật nói Kệ là:

*Nay Ta mở cửa **Cam Lộ Vị***

*Nếu có người tin, được vui vẻ”*

Trong **Kệ** này chẳng nói **Thí** (Dàna), **Giới** (‘Sila), **Đa Văn** (Bahu-‘sruta), **Nhẫn** (Kṣànti), **Tiến** (Vīrya), **Thiền** (Dhyàna), **Tuệ** (Prajña). Người hay được vui vẻ là nói riêng về người có **niềm tin** (‘Sraddhà). Ý của Phật như vậy: “*Pháp thâm sâu bậc nhất của Ta, vì diệu vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn, chẳng động, chẳng nương cậy, chẳng dính mắc, là Pháp không có chỗ được. Nếu chẳng phải là người có **Nhất Thiết Trí** tức chẳng thể hiểu, cho nên dùng **sức Tin làm khởi đầu**, chứ chẳng phải là do nhóm Tuệ mà có thể bắt đầu vào Phật Pháp. Vì khiến cho Tâm trong sạch như vậy được tăng trưởng bền chắc”*

\_ Trong **Kinh** tiếp theo nói: “**Đại Bi** (Mahà-kàruṇa) **làm gốc rễ** (Mùla: căn)”

**Căn** (Mùla) là nghĩa *hay nắm giữ*, giống như rễ cây nắm giữ cọng, lá, hoa, quả khiến cho chẳng bị nghiêng đổ vậy.

Tiếng Phạn nói **Bi** là **Ca Lô Noa** (Kàruṇa). **Ca** (Kà) nghĩa là *một loại cỏ thơm*, **Lô Noa** (Ruṇa) nghĩa là *cắt cho sạch hết*

**Từ** (Maitra) như gieo trồng rộng rãi mầm tốt đẹp. **Bi** (Kàruṇa) như cỏ thơm trừ cỏ dơ. Cho nên trong đây nói: **Bi** tức đã kèm nói rõ **Đại Từ** (Mahà-maitra) vậy

Vả lại, như lúc Hành Giả tu **cúng dường** (Pùja) thời nếu dâng một bông hoa, hoặc hương xoa bôi...tức dùng Tâm **Tịnh Bồ Đề** trong khắp tất cả nơi chốn, nổi lên **mây cúng dường** (Pùja-megha) làm khắp việc Phật, phát khởi Bi Nguyện, hồi hướng Quần Sinh, nhổ bứt tất cả khổ, ban cho vô lượng niềm vui. Do căn lành của chính mình cùng với sức của Như Lai Gia Trì, sức của Pháp Giới, cho nên nói là **Diệu Nghiệp** đều được thành tựu, khắp cả **Nhất Thiết Trí Địa** (Sarva-jñā-bhùmi) cho đến **Giới hữu tình** (Satva-dhātu) không dư sót thấy đều sinh **gốc rễ** (Mùla: căn) vậy.

Tuỳ theo Hành Giả dùng Tâm không nghi ngờ đã tu vạn Hạnh, tức do **Đại Bi Địa Giới** đã cầm giữ, cho nên được **Đại Bi Hỏa Giới** nuôi nấng ấm áp, được **Đại Bi Thủy Giới** thấm ướt, được **Đại Bi Phong Giới** khai phát, được **Đại Bi Hư Không** chẳng che ngăn. Bảy giờ vô lượng **Độ Môn** nhậm vận khai phát giống như mầm, rễ, cọng, cành, lá theo thứ tự trang nghiêm, tức là *đối với tất cả Tâm Pháp có đầy đủ nghĩa của Nhân Duyên* vậy

— **“Phương Tiện (Upàya) làm Cứu Cánh (Uttara)”**

Ấy là Vạn Hạnh viên mãn đến cùng cực, không có thể tăng thêm được nữa, ứng vật thì ứng biến linh hoạt, rốt ráo hết việc có thể làm. Là Diệu Quả **ĐỀ HỒ** (Maṇḍa, hay Sarpir-maṇḍa), cội nguồn của **ba Mật** (Tri-guhya) vậy.

Lại Tâm **Tịnh Bồ Đề** giống như vàng ròng, bản tính tinh khiết sáng tỏ, lia các lỗi lầm. **Đại Bi** như học tập nghề khéo (công xảo), dùng các vật thuốc, mọi loại luyện trị cho đến soi suốt, mềm mại, co duỗi tự tại. **Phương Tiện** như thành tựu nghề khéo, có chỗ tạo làm đều thành sự ứng biến linh hoạt trong quy chế, vượt qua mọi kỹ thuật, cho nên đã được sự khéo léo của việc ấy thì khó có thể trao truyền cho người khác được.

Như **Ma Ha Bát Nhã** đã nói rõ: “*Sáu Độ, mười tám Không, Tam Muội, Đạo Phẩm, Tổng Trì Môn...đều nhập vào trong câu Đại Bi (Mahà-kàruṇa-pàda) tức chỗ thành của vạn Hạnh ấy là Quả của Nhất Thiết Trí Trí*”

Nói tên gọi là **Phương Tiện**, do bên trong đầy đủ phương tiện cho nên Nghiệp của phương tiện tức là *lợi cho người khác* (lợi tha). Đấy dùng tiếng Phạn **Ổ Ba Na** (Utpàda) cũng gọi là **Phát Khởi**, như từ hạt giống sinh quả, quả quay trở lại thành hạt giống, cho nên dùng làm tên gọi vậy

— **Kinh** nói rằng: **“Này Bí Mật Chủ ! Thế nào là Bồ Đề (Bodhi) ? Ấy là như thật biết Tâm của mình ”**

Tức là mở bày nơi cất vật báu Công Đức (công đức bảo sở) của Như Lai vậy.

Như người tuy nghe kho báu, phát ý siêng năng tìm cầu, nếu chẳng biết nơi chốn thì không do đâu để tiến đến, cho nên lại chỉ dẫn như bên trên đã nói rõ là **“Pháp vi diệu thâm sâu bậc nhất** cho đến **chẳng phải là người có Nhất Thiết Trí tức chẳng thể hiểu được”**

Pháp này từ chỗ nào để được ? Tức là **tự tâm** của Hành Giả vậy. Nếu hay như thật quán sát mỗi mỗi thấu tỏ, chứng biết, đấy gọi là **thành Bồ Đề**. Điều ấy thật sự chẳng do chỗ khác mà ngộ, chẳng theo người khác mà được.

Hỏi rằng: **“Nếu Tức Tâm là Đạo thì tại sao chúng sinh luân hồi sinh tử, chẳng được thành Phật ?”**

Đáp rằng: **“Do chẳng biết như thật** cho nên ấy là kẻ Phàm phu **ngu độn** (Bala) nếu nghe chút ít của Pháp đó mà có thể tin tưởng, xét rõ sự vật (Thức tính). Hàng **Nhị Thừa** tuy tự mình quán sát nhưng chưa thật biết. Nếu biết như thật tức là **khi mới phát tâm liền thành Chính Giác**. Ví như người con nghèo cùng của nhà Trưởng Giả, lúc tự biết cha thời há lại làm **khách**, làm người hèn kém

chăng?!...Bấy giờ Hành Giả chân chính biết *Thật Tướng của Tâm* cho nên nhìn thấy tất cả Pháp thấy đều vi diệu thâm sâu, vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn, chẳng động, chẳng nương cậy, chẳng dính mắc, đều không có chỗ được, rốt ráo như tướng của Bồ Đề”

Cho nên Kinh lại nói rằng: **“Bí Mật Chủ ! A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề** (Anuttarà samyakṣambuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác) **đó, cho đến Pháp ấy, dù chỉ một chút ít, cũng không có thể đắc được”**.

Nghĩa của **Vô Thượng Chính Biến Tri** (Anuttarà samyakṣambuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác) lúc trước đã nói, trong đây chỉ nói chút phần.

Tiếng Phạn nói **A Nậu** (Anu) tức là bảy cái cực nhỏ hợp thành, theo Duyên sinh ra cái nhỏ nhất của hình sắc. Vì rất nhỏ bé cho nên dùng làm ví dụ nói **Pháp ấy** tức là lìa *Tâm Bồ Đề không có tướng* này thì bên ngoài càng không có một Pháp vậy

\_ Trong **Kinh** tiếp theo nói Nhân Duyên là: **“Tại sao thế ? Vì tướng của Hư Không là Bồ Đề, không có kẻ biết giải cũng không có khai mở hiểu rõ. Tại vì sao ? Vì Bồ Đề vốn không có Tướng”**

Ví như hư không tràn khắp tất cả nơi chốn. Do rốt ráo trong sạch cho nên lìa tất cả tướng, không có động, không có phân biệt, chẳng thể biến đổi, chẳng thể phá hoại. Do chút phần tướng tương tự của nhóm như vậy, cho nên ví dụ cho *Tâm Bồ Đề không có tướng*.

Xong, trong đây lại có vô lượng vô biên sự thật bí mật thâm sâu, chẳng phải là nơi mà hư không của Thế Gian có thể ví dụ cùng khắp được. Hy vọng các Học Giả được ý quên lời vậy.

Lại như Hư Không xa lìa Hý Luận, phân biệt cho nên không có tướng biết hiểu, không có tướng khai mở hiểu rõ.

Chư Phật tự chứng **Tam Bồ Đề** (Sambodhi: Chính Giác) nên biết cũng thế. Chỉ là *Tâm tự chứng Tâm, Tâm tự hiểu biết Tâm*. Trong đây không có Pháp *biết hiểu*, chẳng phải là bắt đầu khai mở hiểu rõ, cũng không có người khai mở hiểu rõ. Nếu phân biệt chút phần **Năng Sở** giống như hạt bụi nhỏ, tức giữ lấy tướng của **Pháp, chẳng phải Pháp**. Chẳng lìa *Ta, người, chúng sinh, thọ mệnh...* há được gọi là **Kim Cương Tuệ** (Vajra-prajña) sao ?

\_ Lại nữa trong **Kinh** tự chuyển giải thích rằng: **“Tại vì sao ? Vì Bồ Đề vốn không có Tướng”**

Như **Thích Luận** nói rằng: “Trí Tuệ của Đức Phật trong sạch cho nên vượt hơn các Quán. Chẳng Quán: tướng **Thường** (Nitya), tướng **không có thường** (Anitya), tướng **có bờ mé** (Nanta), tướng **không có bờ mé** (Ananta), tướng **có đi**, tướng **không có đi**, tướng **có** (Bhàva), tướng **Không có** (Abhàva), tướng **có rò rỉ** (Hữu Lộ: Àsrava), tướng **không có rò rỉ** (Vô Lộ: Sàsrava), tướng **Hữu Vi** (Samskrta), tướng **Vô Vi** (Asamskrta), tướng **sinh diệt**, tướng **chẳng sinh diệt**, tướng **trống**

**rỗng** (Không: ‘Sùnya), tướng **chẳng trống rỗng** (Bất Không: Amogha)...thường trong sạch vô lượng như hư không. Chính vì thế cho nên **Phật Trí** không có ngần ngại.

Nếu quán *sinh diệt* thì chẳng được quán *chẳng sinh diệt*, quán *chẳng sinh diệt* thì chẳng được quán *sinh diệt*. Nếu *Sinh Diệt* là **thật** thì *chẳng Sinh Diệt* là **chẳng thật**, nếu *chẳng Sinh Diệt* là **thật** thì *Sinh Diệt* là **chẳng thật**. Các Quán của nhóm như vậy đều như thế.

Dùng Tâm **Tịnh Bồ Đề** như vậy vượt qua các Quán, lìa mọi tướng cho nên đối với tất cả Pháp được không có chướng ngại. Ví như tướng của hư không cũng không có tướng cho nên vạn vật thấy đều nương dựa vào **Không** (trống rỗng), mà **Không** (trống rỗng) thì không có chỗ nương tựa. Như vậy vạn Pháp đều y theo Tâm trong sạch, Tâm trong sạch thích hợp với không có chỗ nương tựa, tức các Pháp này cũng lại như thế, tướng của Bồ Đề ấy là tướng của hư không trong sạch, cho nên **Kinh** lại nói rằng: “*Này Bí Mật Chủ ! Các Pháp không có Tướng là tướng của Hư Không* “.

**Bấy giờ Kim Cương Thủ lại bạch Phật rằng : “Thế Tôn ! Ai tìm cầu Nhất Thiết Trí ? Ai dùng Bồ Đề để thành Bậc Chính Giác ? Ai phát khởi được Nhất Thiết Trí Trí ấy?”**

**Đức Phật bảo : “Bí Mật Chủ ! Tự Tâm tìm cầu Bồ Đề với Nhất Thiết Trí. Vì sao thế ? Vì Bản Tính (Svabhàva) vốn thanh tịnh (Pari’suddha)... cho đến Vô Lượng Công Đức thủy đều thành tựu”**

Khi Chấp Kim Cương nghe nghĩa do Đức Phật đã nói “*Sự sáng suốt của Tát Bà Nhã (Nhất Thiết Trí) chỉ là Tâm của mình cho đến không có chút Pháp nào ra ngoài Tâm này*” liền vì chúng sinh đời vị lai chặt đứt nghi hoặc cho nên hỏi Đức Phật rằng: “*Tâm Bồ Đề gọi là một hướng chí cầu Nhất Thiết Trí Trí. Nếu Nhất Thiết Trí Trí tức là Tâm Bồ Đề thì trong đấy, cái gì là năng cầu ? Đâu là sở cầu ? Cái gì là có thể hiểu biết (giác) ? Ai là người Hiểu Biết (giác giả) ? Lại nữa, lìa Tâm thì bên ngoài đều không có một Pháp thì cái gì hay phát khởi Tâm này khiến đến Diệu Quả ? Nếu Pháp không có Nhân Duyên mà được thành thì tất cả chúng sinh cũng ứng theo, chẳng phải mượn phương tiện, ắt tự nhiên thành Phật*”.

Cho nên Đức Phật đáp rằng: “**Bí Mật Chủ ! Tự Tâm tìm cầu Bồ Đề với Nhất Thiết Trí, Tào sao thế ? Vì Bản Tính (Svabhàva) vốn thanh tịnh (Pari’suddha)**”

Tuy **Thật Tướng** của Tự Tâm chúng sinh tức là Bồ Đề, dù có Phật hay không có Phật vẫn thường tự nghiêm tịnh. Xong, do chẳng *Như Thật tự biết* cho nên tức là **Vô Minh** (Avidya). Do Vô Minh điên đảo nhận lấy Tướng cho nên sinh ra các **phiền não** (Kle’sa) của nhóm **Ái** (Trṣṇà, Toṣayati, Priya ). Nhân phiền não nổi dậy cho nên đẩy lên mọi loại **Nghiệp** (Karma), đi vào mọi loại **lối nẻo** (Đạo: Patha, hay Marga), mang mọi loại thân, nhận mọi loại vui khổ...cho nên như con tầm nhả tơ, không có nguyên nhân nào, chỉ tự từ mình nhả tơ ra rồi tự ràng buộc, chịu khổ thiêu đốt chưng nấu. Ví như nước trong sạch của nhân gian, tùy theo tâm của Trời,

Quý...hoặc dùng làm vật báu, hoặc dùng làm lửa, tự tâm nhìn thấy khổ vui. Do đó nên biết lìa Tâm thì bên ngoài không có Pháp vậy.

Nếu người hành Du Già, chính quán *Thật Tướng của ba Pháp* tức là nhìn thấy *Thật Tướng của Tâm*. Thật Tướng của Tâm tức là Bồ Đề không có tướng, cũng gọi là Nhất Thiết Trí Trí. Tuy lìa các Nhân Duyên, cũng chẳng phải không có Nhân Duyên mà được thành tựu vậy

Lại nữa, Đức Thế Tôn muốn khiến cho chúng sinh *Như thật biết tâm của chính mình* (tự Tâm) cho nên dùng phương tiện phân biệt diễn nói. Sở dĩ như thế, nếu chỉ nói *Tâm của chính mình chẳng sinh chẳng diệt*. Do không có nguyên nhân nào, nên nghĩa liền khó hiểu rõ. Vì thế trước tiên bày nơi chốn dính mắc ấy.

**Kinh** nói rằng: “*Tâm chẳng ở bên trong, chẳng ở bên ngoài với khoảng trung gian của hai bên. Tâm chẳng thể đắc*”. Như **Ma Ha Bát Nhã** dùng vô lượng Môn đi vào Thật Tướng của các Pháp. Nay muốn nêu lên Tông Yếu ấy, chỉ quán **12 Xứ** (6 Căn, 6 Trần) bên trong bên ngoài, liền nhiếp tất cả Pháp vậy.

Tâm của Hành Giả từ vô thủy đến nay, phần lớn đối với *Pháp bên trong* (nội Pháp) nhận lấy, dính mắc với Tướng của Tâm, cho nên trước tiên đối với *sáu Xứ bên trong* (6 Căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) dùng phương tiện bình đẳng ngay đó *lìa tướng*, mỗi mỗi xem xét kỹ lưỡng *Tâm chẳng thể đắc, không có sinh, không có tướng, không có nơi chốn*...Rồi tác niệm này: “*Tâm này hoặc ở bên ngoài chăng ?*”

Lại đối với *sáu Xứ bên ngoài* (6 Trần: hình sắc, âm thanh, mùi ngửi, vị nếm, cảm giác tiếp chạm, Pháp cảnh) **Như Thật** xem xét: “*Tâm cũng không có tướng sinh ra, không có nơi chốn*”. Do sợ sai lầm bèn Hợp xem xét “*ở khoảng giữa của hai bên cũng chẳng thể đắc*”. Liền hiểu được (ngộ) *Thật Tính của Tâm này, vốn tự không có sinh, không có diệt, rốt ráo thường trong sạch*. Xé rách mây Hý Luận, ví như sức của viên ngọc làm cho nước trong vắt, nước trong vắt cho nên viên ngọc hiện ra thì quyết định chẳng từ nơi khác đi đến vậy.

**Kinh** nói rằng: “*Này Bí Mật Chủ ! Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác chẳng phải màu xanh, chẳng phải màu vàng, chẳng phải màu đỏ, chẳng phải màu trắng, chẳng phải màu hồng, chẳng phải màu tím, chẳng phải màu thủy tinh, chẳng dài chẳng ngắn, chẳng tròn chẳng vuông, chẳng sáng chẳng tối, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, chẳng phải không nam nữ*”.

Lúc trước đã quy ước *tất cả Pháp* nhằm nói rõ *Thật Tướng của Tâm*. Nay lại quy ước *Chân Ngã* nhằm nói rõ *Thật Tướng của Tâm*. Tông này phân biệt nghĩa, tức đem Tâm làm Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác, ấy là **Đại Ngã** (Parmatman, hay Mahatman: Cái Ngã cao thượng của cảnh giới tự do tự tại) của Nội Tâm vậy.

Như có một loại Ngoại Đạo, do chẳng hiểu tâm của chính mình (tự tâm) nên nói là: “*Ta xem xét Chân Ngã, màu sắc của nó chính là màu xanh, là chỗ mà người khác chẳng thể nhìn thấy*”. Hoặc nói: “*Chính là màu vàng, chính là màu đỏ*”. Hoặc nói: “*Là màu trắng tinh*”. Hoặc nói: “*Là màu của con chim én, nay nghĩa là màu hồng tía vậy*”. Hoặc nói: “*Ta thấy Chân Ngã, tướng của nó rất dài, rất ngắn...cho*

đến như tướng của người đàn ông (Nam Tử)...Chỉ có điều này là thật, còn lại đều là nói dối”

Nhưng, mọi tướng của nhóm đó đều theo Duyên sinh, không có Tự Tính thì làm sao được gọi là **cái Ngã chân thật**. Đối với mọi loại **Chấp** như vậy, nên Đức Phật nói: “*Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác chẳng phải là nhóm màu xanh*” . Tại sao thế ? Vì tướng màu xanh đầy rớt ráo chẳng sinh, nên tức là *chẳng phải màu xanh*. Vì Thật Tướng của màu xanh chẳng hoại, nên cũng *chẳng phải là chẳng phải màu xanh*. Nên biết Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác không có một tướng quyết định nào có thể nói, cũng chẳng lia các tướng như vậy

Như có vị **A Xà Lê** (Àcàrye:Quỹ Phạm Sư) của Ngoại Đạo, vào ban đêm của kỳ **Hắc Nguyệt** (Kṛṣṇa-pakṣa: 15 ngày sau của tháng) dẫn các Đệ Tử đến trước một con voi lớn, rồi bảo rằng: “*Ta ở ngày nay, bảo cho người biết **Chân Ngã***” Thời mọi người ấy, hoặc dùng con mắt nhìn, hoặc dùng thân tiếp chạm. Người nhìn thấy thân hình, liền nói rằng: “*Nay Ta đã biết **Chân Ngã**, màu sắc của nó như chiếc xuồng rất trắng, nhưng cao lớn*”. Người tiếp chạm với cái ngà liền nói rằng: “***Chân Ngã** như cái mác (hay cây giáo)*”. Người tiếp chạm với lỗ tai liền nói rằng: “*Như cái nia (hay cái sàng)*”. Người tiếp chạm với bàn chân liền nói rằng: “*Như cây cột*”. Người tiếp chạm với cái đuôi voi liền nói rằng: “*Như sợi dây to*”...đều tùy theo chỗ đã gặp, theo ý riêng tính toán chẳng giống nhau. Tuy lại thay nhau bàn luận **phải trái, đúng sai** (thị phi), cuối cùng chẳng thể nhận biết được Chân Thể ấy. Nếu người hành Du Già khai phát *đường lối sáng tỏ của Pháp* (Pháp Minh Đạo) thời soi thấy **Tâm Vương Như Lai** như ánh sáng lớn trong con mắt, nhìn mọi hình sắc, liền chẳng sinh việc tranh luận như vậy

\_ Tiếp theo nói rằng: “***Bí Mật Chủ ! Tâm chẳng đồng tính với cõi Dục (Kàmadhātu), chẳng đồng tính với cõi Sắc (Rùpadhātu), chẳng đồng tính với cõi Vô Sắc (Arùpadhātu). Tâm chẳng đồng tính với các nẻo : Trời (Deva), Rồng (Nàga), Dạ Xoa (Yakṣa)... cho đến Người (Maṇuṣya), Phi Nhân (Amaṇuṣya)...***”

Cũng là đối với các Vọng Chấp, hiển bày *Tự Tâm không có biến đổi*, cho nên nói: “*Tâm này chẳng **đồng tính** với ba cõi*” vậy

Có các Ngoại Đạo tính toán “*Tính của Ta tức đồng với cõi Dục, hoặc đồng với cõi Sắc, cõi Vô Sắc*” cho đến nói là: “*Phi Tướng Xứ tức là Niết Bàn*”. Hoặc nói: “*Hàng **Phạm Thiên** (Brahma), **Tỳ Nữ Thiên** (Viṣṇu) sinh ra tất cả Pháp*”

Nhưng ba cõi này đều theo mọi Duyên sinh, tìm cầu Tự Tính của nó đều chẳng thể được, huống chi là khiến cho Tính của Tâm đồng với Tính của cõi ấy sao?!...

Tiếp rộng phân biệt vô lượng lối nẻo của các chúng sinh, mỗi mỗi nói “*đều chẳng **đồng Tính** với lối nẻo ấy*”. Ví như trong hư không tuôn mưa một vị thuận trong sạch của nước tám Công Đức. Tùy theo mọi loại sai khác của vật khí đã nhận, hoặc cay, hoặc chua, hoặc ôn hoà, hoặc vẫn đục nhưng Tính của tám Công Đức chẳng đồng với vật khí ấy. Dù *ôn hoà giải vẫn đục* tức thời trong mát như xưa, chưa từng biến đổi.



Lại như **Chân Đà Ma Ni** (Cintà-maṇi: Như ý bảo châu) tự nó không có tướng quyết định, gặp vật thì đồng với màu sắc của vật ấy, nhưng Tính của báu ấy chẳng đồng với vật ấy. Nếu đồng Tính thì màu sắc đó tùy theo Duyên sinh diệt thời Tính của báu cũng nên sinh diệt vậy.

Lại nữa, Đức Thế Tôn sắp muốn mở bày **Đại Bi Sinh Thai Tạng Mạn Đà La** cho nên trước tiên chính thức mở bày Môn **Thật Tướng** của Tâm. Tại sao thế ? Như Bản Tôn của Hành Giả trong Tam Muội, nói có hiển hình, tướng của nhóm nam nữ với Phổ Môn thị hiện thân của sáu nẻo. Sở các Hành Nhân chẳng hiểu rõ Nhân Duyên sinh của Tâm, đối với Chân Tính của Bảo Vương mà sinh hý luận, cho nên Đức Phật nói: “*Như Lai chẳng phải là màu xanh, chẳng phải là màu vàng*” cho đến Tâm này chẳng **đồng Tính** với sáu nẻo trong ba cõi. Nếu hay quán sát như vậy, tức chẳng ngăn che Tâm Bồ Đề vậy.

\_ Lại **Kinh** nói rằng: “**Bí Mật Chủ ! Tâm chẳng trụ ở Giới của mắt, chẳng trụ ở giới của : Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý. Tâm chẳng phải thấy, chẳng phải hiển hiện**”.

Lúc trước nói chẳng (phải Tâm) ở tại ba Xứ, dùng nhiếp tất cả Pháp. Vì người chưa giác ngộ, lại mỗi mỗi trải qua Pháp phân biệt.

Nếu Tâm chẳng **đồng Tính** với các nẻo thì trụ ở Giới của mắt ư ? Cho đến trụ ở Giới của Ý ư ?

Nếu Tâm trụ ở Giới của mắt thì con mắt theo mọi Duyên sinh cho nên Tính Tướng tự trống rỗng, không có chỗ trụ. Hướng chi là Thật Tướng của Tâm trụ ngay trong con mắt. Như Giới của mắt cho đến các Pháp của **Uẩn, Nhập** đều nên rộng nói

Lại nữa, lúc trước đã phá mọi loại Ngoại Đạo. Nay nói *chẳng trụ các Pháp để phá biên kiến* (nhìn thấy một bên) của Thanh Văn

Như **Độc Tử** (Vātsī-putrī) trong **A Tỳ Đàm** nói: “*Ví như bốn Đại hoà hợp có Nhân Pháp (Pháp của con mắt), năm Tượng như vậy hoà hợp có Nhân Pháp (Pháp của con người)*”. Nhân Pháp đó ở trong **Bất Khả Thuyết Tạng** nói: “Tất cả là có”. Đạo Nhân nói là: “**Thân Nhân** trong tất cả Pháp Môn, câu chẳng thể được, như sừng thỏ, lông rùa thường không có nhưng **Uẩn, Giới, Nhập** thật có Tự Tính”

Dùng Pháp Hý Luận như vậy cho nên chẳng nhận biết được Tâm ấy. Nếu hay quán *Tâm chẳng trụ các Pháp*, tức Tâm không có *Hành Xứ* (đối tượng tu hành), dứt hết Hý Luận vậy.

\_ “**Chẳng phải thấy, chẳng phải hiển hiện**”

Như có người nói: “*Tất cả chúng sinh vốn có Tính thấy biết của Phật, chỉ vì Vô Minh che lấp, khi trừ được mắt mờ thời tự mình hay nhìn thấy Lý*”

Hoặc có người nói: “*Lý Thường như vậy chẳng phải là có thể tạo làm, chỉ khi nào trừ hết mây mù che lấp thời mặt trời tự hiện*”

(Bên trên) đều dùng **Thế Đế** mà nói như thế .

Nếu Tâm *Tịnh Bồ Đề* là Pháp ***có thể thấy, có thể hiện*** tức là tướng có (Bhàva). Phạm có tướng đều là hư vọng thì làm sao có thể thấy **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi) được ?!...

\_ Lại trong **Kinh** tự nói Nhân Duyên: ***“Tại sao vậy ? Vì tướng của Hư Không và Tâm xa lìa các vọng chấp, cũng không có phân biệt”***.

Giống như *hư không* là pháp rất ráo trong sạch, *tất cả sắc tượng* không thể gây nhiễm ô được. Tính của Tâm cũng thế, *tất cả phân biệt* không thể gây nhiễm ô được. Nếu không có phân biệt tức là lìa tất cả tướng vậy.

\_ **Kinh** nói rằng: ***“Vì sao lại thế ? Vì tính đồng với Hư Không tức đồng với Tâm, Tính đồng với Tâm tức đồng với Bồ Đề”***.

***Như vậy, Bí Mật Chủ ! Ba thứ : Tâm, Hư Không Giới, Bồ Đề vốn không có hai. Từ điều này mà lấy Bi (Kàruṇa) làm căn bản và phương tiện (Upàya) có đầy đủ Ba La Mật (Pàramitā)”***.

Mọi loại Môn **Nhập Thanh Tịnh** như trên đều vì phát minh nghĩa **Tự Tâm cầu Bồ Đề**. Nay lại kết luận nói: ***“Hư Không không đơ bản tức là Tâm, Tâm tức là Bồ Đề, vốn đồng một tướng mà có ba tên gọi như thế”*** Tức một **Pháp Giới Tâm** tuy Nhân Duyên rất ráo chẳng sinh, nhưng chẳng hoại Thật Tướng của Nhân Duyên. Do ***chẳng sinh*** cho nên liền không có sự sai khác của **Năng Sở**. Do ***chẳng hoại*** cho nên cũng được ***“Bi (Kàruṇa) làm căn bản và phương tiện (Upàya) có đầy đủ Ba La Mật (Pàramitā)”*** tức là nghĩa của **Trung Đạo** rất ráo chẳng thể nghĩ bàn vậy.

\_ **Kinh** nói rằng: ***“Này Bí Mật Chủ ! Ta nói các Pháp Như Thị (Evam) khiến cho các chúng Bồ Tát dùng sự thanh tịnh của Tâm Bồ Đề để nhận biết Tâm ấy”***.

Đức Phật đã mở bày ***Bồ Đề trong sạch*** (Tịnh Bồ Đề), lược nói rõ Tông to lớn của **ba câu** xong. Tức tổng luận **một Bộ** từ đầu đến cuối, vô lượng phương tiện đều vì ***“khiến cho các chúng Bồ Tát dùng sự thanh tịnh của Tâm Bồ Đề để nhận biết Tâm ấy”***. Như Kinh này, nên biết ý của tất cả **Tu Đa La** (Sùtra: Khế Kinh) đều đồng tại đây.

Như Pháp do Đức Thích Ca Như Lai đã nói, nên biết tất cả Như Lai ba đời ở mười phương dùng mọi loại Nhân Duyên, tùy nghi diễn nói Pháp...không có gì chẳng phải là ***Pháp Môn của ba câu*** này, rất ráo đồng quy về gốc, không có dấu vết khác. Cho nên nói rằng : ***“Ta nói các Pháp Như Thị (Evam) cho đến nhận biết Tâm ấy”*** vậy.

\_ **Kinh** nói rằng: ***“Bí Mật Chủ ! Làm sao để tự biết Tâm ? Ví như chia cắt hoặc hiển sắc, hoặc hình sắc, hoặc cảnh giới (Viṣaya) như là Sắc (Rùpa), như là Thọ (Vedanà), Tưởng (Samjñā), Hành (Saṃskàra), Thức (Vijñāna). Như là Ngã (Ātman), như là Ngã Sở (Mama-kāra), như là Năng Chấp (Grāhaka), như***

**là Sở Chấp (Gràhya), như là thanh tịnh (Pari'suddha), như là Giới (Dhātu), như là Xứ (Āyatana) ... Cho đến tìm cầu trong tất cả phân chia cắt đều chẳng thể đắc được”.**

Lúc trước Đức Thế Tôn đã rộng nói **Tướng Như Thật của Tâm Tịnh Bồ Đề**. Do chúng sinh chưa thể đạt được sự tỏ ngộ riêng (huyền ngộ) của Ý đó, nên lại tạo phương tiện nói **Đốn Giác Thành Phật** (Hiểu biết ngay để thành Phật) vào Môn **Thật Tướng của Tâm** cũng vì xác định rõ ràng tất cả Phật Pháp ba đời ở mười phương.

Như trong tất cả **Kinh** hoặc nói: “Trong các Uẩn hoà hợp thì **Cái Ta** (Ngã) chẳng thể được”. Hoặc nói: “Các Pháp theo Duyên sinh đều không có Tự Tính” đều là dẫn theo thứ tự khai mở **Môn Thật Tướng**.

Lúc đó nói **Thật Tướng của các Pháp** tức là **Thật Tướng của Tâm** trong Kinh này. **Thật Tướng của Tâm** tức là **Bồ Đề** (Bodhi) trợ nhau không có Lý nào khác, chỉ vì chúng sinh Phược mỏng nên chẳng thể **tự tin làm Phật**. Do sự **tự tin làm Phật** rất khó được cho nên Đức Thế Tôn tạm khiến cho làm trong sạch các vấn đục ngăn che (cấu chướng) tiến dần đến hộ giữ Tâm ấy. Cốt yếu khiến cho Thời Nghĩa khế hợp, sau đó vì họ nói **Ấn của Tức Tâm**

Nay **Kinh** tức chẳng như vậy. Quy ước thẳng các Pháp khiến cho nhận biết được Tâm ấy, nguyên nhân là phân che dấu (tạng) điều cốt lõi bí mật (Bí Yếu) vậy  
\_ Câu đầu tiên nói rằng: “**Ví như chia cắt**”

Đấy là nêu chung Pháp **Duyên Sinh**. Dùng Pháp đối đãi Nhân Duyên thành đều có tướng sai khác, cho nên Hành Giả cần biết quán sát như vậy.

Nay trong **chia cắt** này thì cái gì là Tâm ? Cho đến phân tích tìm cầu đều chẳng thể được, liền biết Tâm này vượt qua mọi tướng, lia các Nhân Duyên. Đã biết Tính của Tâm thường như vậy, cho nên bấy giờ tất cả các Pháp tự nhiên chẳng khác với Tâm vậy.

**Hiển sắc** (Varṇa-rūpa) là nhóm **màu xanh** (Nīla), **màu vàng** (Pīṭha)... **Hình Sắc** (Samsthāna-rūpa) là nhóm **hình vuông** (Catura'sra), **hình tròn** (Vṛtta)... **Cảnh Giới** (Viśaya) là chỗ đối của sáu Tình, tức **sáu Trần** (Ṣaḍ-āyatana: Lục xứ) vậy. Vì khiến cho người dễ hiểu cho nên lại trải qua Pháp quán sát.

Nay trong mọi màu sắc của **Hiển Hình** thì cái nào là Tâm ? **Màu sắc** (Rūpa) vốn chẳng phải là **Tình**, không có tướng hiểu biết, hướng chỉ là ở trong đấy có Tâm có thể được. Như **Hiển Hình**, nên biết tất cả **Sắc Trần** (Rūpa-āyatana: Sắc xứ) cũng như vậy. Như **Sắc Trần** cho đến **âm thanh** (‘Sabda-āyatana: Thanh xứ), **mùi ngửi** (Gandha-āyatana: Hương xứ), **vị nếm** (Rasa-āyatana: Vị xứ), **cảm giác tiếp chạm** (Spraṣṭavya-āyatana: Xúc xứ), **Pháp cảnh** (Dharma-āyatana: Pháp xứ) cũng như vậy

Hành Giả ở trong **Ngoại Trần** (tức sáu trần) thì Tâm chẳng thể được. Lại quán **Nội Thân** (tức thân của mình) thì **năm Uẩn** (Pañca-skandha) cũng như *nhóm bọt nổi, bọt nước, ngọn lửa, cây chuối, huyền hoá...* tự tìm cầu **cái Thật của Tính** (Tính thật) còn không có **chỗ có** hướng chỉ là ở trong ấy mà được có Tâm. Như vậy từ thô sơ đến tinh tế, bỏ rộng đến lược, cho đến hiện tại, một niệm nhận biết cũng không

có lúc trụ. Lại nữa theo mọi Duyên sinh, cho nên tức là **Không** (Trống rỗng: ‘Sùnya), tức là **Giả**, tức là **Trung**... xa lìa tất cả Hý Luận đến ở **bờ mé của vốn chẳng sinh**. Bờ mé của vốn chẳng sinh tức là Tâm trong sạch của Tự Tính.

Tâm trong sạch của Tự Tính, tức là Môn chữ A (𑖀). Dùng Tâm nhập vào Môn chữ A cho nên sẽ biết tất cả Pháp đều nhập vào Môn chữ A vậy.

Đã nói Quán **Thật Tướng của các Pháp**

\_ Tiếp theo, nói rõ quán ở **Tướng của Ngã**, cho nên nói: **“Như là Ngã (Àtman), như là Ngã Sở (Mama-kàra), như là Năng Chấp (Gràhaka), như là Sở Chấp (Gràhya), như là thanh tịnh (Pari’suddha)”**

Như trên, ở trong các Uẩn, mọi loại phương tiện quán Tâm mà chẳng thể được, hướng chi là Pháp của nhóm **Ta, Người, Thọ Giả** (tính mạng) từ xưa đến nay chỉ có **Giả Danh** (tên gọi giả tạm) mà ở trong ấy có Tâm có thể được sự trong sạch, tức là chỗ rất ư trong sạch do Ngoại Đạo tính toán dùng làm Niết Bàn vậy. Như Phạm Chí **Trường Xoa** (?Dirgha-nakha: Trường Trảo, cậu của Xá Lợi Phất) chẳng nhận tất cả Pháp mà chỉ nhận **cái thấy** (Kiến: Dṛṣṭi, hay Dar’sana) đó.

Nay cũng như vậy, nhận lấy dính mắc, quán **Không** (‘Sùnya) khởi **Trí Tuệ** (Prajña) mà sinh Tướng trong sạch, liền ở trong Tướng như vậy ngay thẳng quán Tâm của mình không có chỗ sinh, được vào Tâm Bồ Đề chân tịnh vậy

Phần bên trên đã rộng xét năm Uẩn

\_ Tiếp theo lại nói **“18 Giới (Aṣṭàda’sa-dhàtavaḥ), 12 Xứ (Dvāda’sa-àyatanani), cho đến tìm cầu trong tất cả phần chia cắt đều chẳng thể đắc được”**.

Nghĩa của **Uẩn, Giới, Nhập** thì trong **A Tỳ Đàm** (Abhidharma) đã rộng nói rõ. Dùng ba Pháp này nhiếp tất cả Pháp

Lại nói rằng: **“Cho đến tìm cầu trong tất cả phần chia cắt đều chẳng thể đắc được”**. Tức là trong nhóm **Ma Ha Bát Nhã**, trải qua Pháp đã rộng nói rõ điều đấy vậy

Như đối với **Uẩn, Giới, Nhập** phân tích cầu Tâm thì Tâm chẳng thể được. Nên biết sáu Độ, vạn Hạnh cho đến trong tất cả Môn Tổng Trì Tam Muội... mọi loại cầu Tâm cũng chẳng thể được. Do Tâm chẳng thể được cho nên Tướng **Thường Lạc Ngã Tịnh** với Tướng **chẳng phải là Thường Lạc Ngã Tịnh** của Tâm đó cũng lại như thế, chẳng thể được vậy.

Lại nữa, như người Thanh Văn lúc bắt đầu quán **Uẩn, Giới, Nhập** thời ở ngay **Uẩn tìm cầu cái Ta (Ngã), lìa Uẩn tìm cầu cái Ta đều chẳng thể được**, Tướng ngay tại chỗ cũng chẳng thể được. Bấy giờ ở trong tám **Trực Đạo** (con đường đi thẳng đến Phật Địa) xa Trần (bụi bặm), lìa Cấu (dơ bẩn), sinh con mắt Chính Pháp.

Bồ Tát của Chân Ngôn Môn cũng như vậy. Lúc bắt đầu quán **Uẩn, Giới, Nhập** thời ở ngay **Uẩn tìm cầu cái Ta (Ngã), lìa Uẩn tìm cầu cái Ta đều chẳng thể được, Tướng ngay tại chỗ cũng chẳng thể được**. Cho nên tức thời tỏ ngộ riêng (huyền ngộ)

**bờ mé vốn chẳng sinh của Tự Tâm.** Đối với sự thấy biết của Như Lai, trong Đạo Đại Bồ Đề xa Trần (bụi bặm), lìa Cấu (dơ bẩn), được sự trong sạch của con mắt Pháp.

Nếu chẳng làm phương tiện như vậy. Trước tiên, theo chỗ dính mắc mà quán sát, chỉ nói: “*Tâm đó tràn khắp tất cả nơi chốn, rốt ráo không có tướng. Tức tất cả chúng sinh không có căn cứ vào đâu mà **ngộ nhập***” Nên biết **Quán** này là Pháp Môn rất ư bí yếu vậy.

Như *phương tiện xa lìa* khác. Các Bồ Tát dần dần theo thứ tự tu tập **Giới, Định, Tuệ**. Ở vô lượng kiếp dùng mọi loại Môn, quán **Nhân Pháp Nhị Không** (tức Nhân Không và Pháp Không). Do chưa thể xa lìa ảnh tượng của Tâm, nay Chân Ngôn Hành Giả vào lúc mới phát tâm, thời quán thẳng Thật Tướng của Tự Tâm. Do hiểu thấu **vốn chẳng sinh**, cho nên tức thời Hý Luận của **Nhân Pháp** (người và Pháp) trong sạch như hư không, tự nhiên hiểu biết, chẳng do điều khác mà tỏ ngộ. Nên biết **Quán** này lại gọi là Pháp Môn **Đốn Ngộ** vậy.

*— Kinh nói rằng: “**Này Bí Mật Chủ ! Môn Bồ Tát Tĩnh Bồ Đề Tâm này có tên là Sơ Pháp Minh Đạo (Prathama-dharma lokamukha). Vị Bồ Tát nào trụ ở đây tu học thì chẳng phải siêng năng cực khổ lâu dài liền được Tam Muội Trừ Cái Chướng (Sarva nivarana viskambhin samadhi), vào Trí Tuệ của Phật, có vô lượng Môn phương tiện**”*

Nay Tông này dùng thẳng **Tâm Tĩnh Bồ Đề** là cửa, nếu vào cửa này tức là bắt đầu vào cảnh giới của tất cả Như Lai. Ví như Đức **Di Lạc** (Maitreya) mở cửa của lầu gác cho **Thiện Tài Đồng Tử** (Sudhana-‘sreṣṭhi-dāraka) vào bên trong, nhìn thấy đủ việc chẳng thể nghĩ bàn, khó dùng lời bảo rõ, chỉ có người đi vào tự mình biết như thế.

**Pháp Minh** (Dharma-Àloka) là đã hiểu rõ *bờ mé của vốn chẳng sinh của Tâm*. Tâm ấy trong sạch trụ sinh ánh sáng Đại Tuệ chiếu khắp vô lượng Pháp Tính, nhìn thấy đường lối mà chư Phật đã hành, cho nên nói là **Pháp Minh Đạo** (Dharma-àloka-mukha:con đường sáng tỏ của Pháp) vậy.

Khi Bồ Tát trụ ở con đường này thời hết thủy phiền não nghiệp khổ theo Nhân Duyên vọng tưởng thủy đều trong sạch trừ diệt.

Ví như có người trong chỗ tối tăm bị vật báu sắc bén gây thương tích, lại nói là bị rắn độc cắn. Do tưởng là chất độc cho nên tâm chấp dính, liền thành khí độc lan khắp thân thể. Lúc sắp chết thời có vị Lương Y xem xét bệnh, hiểu rõ gốc ngọn ấy. Tức lời dẫn đến chỗ gây thương tích, dùng ngọn đèn sáng chiếu soi. Do nhìn thấy vật báu đã gây thương tích có dính vết máu, người ấy biết rõ chẳng phải là chất độc nên khí độc cũng được trừ. Lại phân biệt thấy đó là vật tốt quý báu nên sinh vui sướng

Hành Nhân cũng lại như vậy. Nhân *Tâm Tĩnh Bồ Đề* chiếu sáng các Pháp, cho nên dùng chút ít công sức liền được Tam Muội **Trừ Cái Chướng**, nhìn thấy Thật Tướng của tám vạn bốn ngàn phiền não, thành tám vạn bốn ngàn Môn **Bảo Tu** (nhóm báu)

– **Kinh** tiếp theo nói rằng: “**Vị Bồ Tát** nào trụ ở đây tu học thì chẳng phải siêng năng cực khổ lâu dài liền được Tam Muội Trừ Cái Chướng (*Sarva nivarana viṣkambhin samādhi*)”

Nếu người được điều này, liền trụ ngang bằng với chư Phật.

**Chướng** (Avaraṇa): trong đó có năm loại.

**1\_ Phiền Não Chướng** (Kle'sàvaraṇa): là phiền não căn bản, cho đến tám vạn bốn ngàn sự ngăn che thuộc Phẩm thượng trung hạ che lấp Tâm trong sạch (Tịnh Tâm), với do đời trước huân tập nghiêng lệch cho nên gây trở ngại cho nền tảng của Đạo, chẳng vào Phật Pháp được

**2\_ Nghiệp Chướng** (Karmàvaraṇa): là các tội nặng đã làm trong đời quá khứ với hiện tại, cho đến chê bai **Kinh Phương Đẳng** (Vaipulya-sūtra). Tuy người đó có được Nhân Duyên của Đạo, xong do nghiệp lúc trước chưa trừ, cho nên bị mọi loại nạn lưu giữ lại, chẳng vào Phật Pháp được

**3\_ Sinh Chướng** (Jatàvaraṇa): là người đó nếu được sinh vào nơi Thắng Thượng không có nạn, ắt sẽ tỏ ngộ đạo. Xong nường vào nghiệp lúc, thay đổi thọ nhận thân không có nhân rồi. Do **Báo Sinh** tức là *chướng* nên chẳng vào Phật Pháp được

**4\_ Pháp Chướng** (Dharmàvaraṇa): là người này đã được sinh vào nơi không có chướng ngại, lại có tỏ ngộ nền tảng của Đạo. Do đời trước từng có ngăn che *Duyên của nhóm Pháp*, cho chẳng gặp bạn lành, chẳng nghe Chính Pháp.

**5\_ Sở Tri Chướng** (Jñeyàvaraṇa): là người này cho đến đã gặp Thiện Tri Thức, được nghe Chính Pháp. Xong có mọi loại Nhân Duyên, hai bên chẳng hoà hợp, gây trở ngại cho việc tu **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajña-pàramitā) như trong **Đại Phẩm, Ma Sự Phẩm** rộng nói rõ. Cũng do đời trước, hoặc từng dậy dỗ sai lầm nền tảng của Đạo, cho nên ưa sinh ra **Chướng** này vậy

Hành Giả đã được Tam Muội **Tịnh Trừ năm Chướng**. Bấy giờ ở trong Tâm của mình, thường thấy tướng màu nhiệm của tất cả chư Phật, trong suốt như nhìn vào cái gương sáng, cho đến ở các uy nghi, đi, đến, ngủ, thức...đều chẳng lìa Nhân Duyên của Phật Hội như vậy. Lúc đó các bậc Thánh thường dùng phương tiện Thắng Diệu giải thích cho tỏ ngộ Tâm ấy, dùng *âm Phạn* an ủi truyền bảo để quyết đoán lưới nghi ngờ. Hành Giả tùy nghe, tùy vui, tỏ ngộ xong thì tùy trừ lưới ngăn che, chẳng lâu thành tựu tất cả Phật Pháp. Cho nên nói rằng: “*Nếu người được Tam Muội này, liền cùng với chư Phật Bồ Tát đồng Đẳng Trụ*” . Nên biết Hành Nhân tức là địa vị đồng với Đại Giác vậy.

Do Tâm **tự giác** ấy liền được tên Phật, nhưng chẳng phải là địa vị **Đại Mâu Ni** của **Diệu Giác** cứu cánh. Giống như trăng trong, tuy Thể không có tăng giảm, nhưng cũng sáng dần dần, tăng thêm cho đến ngày thứ mười lăm mới có thể lay động được con nước (triều) của biển lớn vậy.

Lại Hành Giả do cùng với Như Lai đồng **Đẳng Trụ**, tức hay dùng sức phương tiện khởi năm Thần Thông, chẳng động Bản Tâm dạo chơi các cõi Phật, hiện mọi

loại Thân Ngữ ý, dấy lên mọi loại mây cúng dường, dùng Đại Nguyện không tận, rộng tu các **Độ** (Ba La Mật: Pàramità)

Lại do Ý Căn trong sạch, cho nên tiếp theo được hiểu vô lượng âm tiếng, ngôn ngữ, các Đà La Ni. Hơn nữa, như 36 câu chi lối nẻo trong một Thế Gian, tùy theo giống loài, Tính *thượng trung hạ* của lối nẻo ấy: như liên quan đến phong tục địa phương, ngôn từ...mỗi mỗi sự sai khác, đều hiểu rõ *chỉ thú* (tôn chỉ, đại ý...) của loài ấy, tương ứng dùng tùy theo loại âm tiếng. Như một Thế Giới thì tất cả Thế Giới cũng như vậy.

Bản Phạn nói **Lỗ Đa** (Ruta) là *tiếng lớn*, **La Vĩ Đa** (Ravita) là *tiếng nhỏ*, **Niết Cô Sam** (Dirghosa) là *tiếng dài*, lại kèm theo *nhiều tiếng*. Bởi thế nói đầy đủ điều ấy là muốn hiển **cảnh giới Tổng Trì**, không có chỗ nào chẳng hiểu rõ. Đối với văn tự của phương này, khó dùng để phiên dịch cho đầy đủ được.

Đã được **Đà La Ni** (Dhàraṇi) cho nên hay biết tất cả Tâm Hạnh của chúng sinh. Nghĩa là chúng sinh như vậy nghiêng nhiều về *giận dữ* mà Tính *tham lam* mỏng, hoặc chúng sinh như vậy nghiêng nhiều về *tham lam* mà Tính *giận dữ* mỏng. Cho đến vô lượng sai khác của tướng **thông tắc** (sự thuận nghịch của cảnh giới).

Như trong **Thích Luận Đạo Chứng Trí** rộng nói rõ: “**Bồ Tát đó chẳng phải chỉ có Ý Căn được biết. Cho đến nhìn thấy, nghe, ngửi, tiếp chạm** đều trợ nhau dùng không có ngăn ngại”

Lại hay quán Nhân Duyên ấy để trừ sự ngăn che, dùng mọi loại phương tiện thành thực chúng sinh, trang nghiêm cõi Phật, làm việc của Như Lai. Nên biến Hành Giả của Chân Ngôn Môn cho đến một đời có thể được thành công vậy

Lại nữa, như trên đã nói các Công Đức, tất cả chúng sinh thấy đều như Bản Tính ấy, cùng có như nhau. Chỉ do Vô Minh ngăn che nên chẳng tự biết rõ, chưa thể khởi phát sức Thần Thông bí mật như vậy.

Nay các Bồ Tát tu hành **Môn Chân Ngôn** này đã thấy đường lối sáng tỏ của Pháp (Pháp Minh Đạo) cho nên ngay trong đời, được Tam Muội **Trừ Cái Chướng**. Do được Tam Muội này cho nên liền hay cùng với chư Phật Bồ Tát đồng trụ, phát năm Thần Thông. Dùng năm Thần Thông cho nên được **Nhất Thiết Chúng Sinh Ngữ Ngôn Đà La Ni**. Do được Đà La Ni này cho nên hay biết tất cả Tâm Hạnh của chúng sinh mà làm việc Phật. Đã hay rộng làm việc Phật chẳng chặt đứt mầm giống của Như Lai cho nên liền ở tất cả Thời, tất cả nơi chốn thường được chỗ hộ trì của chư Phật mười phương. Giống như trẻ thơ mới sinh ra thì được lòng yêu thương chiều chuộng của cha mẹ, thường chẳng xa lìa. Nên biết các **Câu** như vậy thấy đều theo thứ tự giải thích cho nhau (tương thích) vậy.

Lại nữa, Hành Giả do bên trong đầy đủ Công Đức như trên, bên ngoài được chư Phật hộ trì. Chính vì thế cho nên ở chốn sinh tử mà không có nhiễm dính, giống như hoa sen ra khỏi nước chẳng bị bùn đọng gây nhiễm ô. Thường dùng phương tiện **bốn Nhiếp** (*Catvari-saṃgraha-vastūni*: gồm có **Bố Thí Nhiếp**, **Ai Ngữ Nhiếp**, **Lợi Hành Nhiếp**, **Đồng Sự Nhiếp**) nhỏ bứt khổ cho chúng sinh. Cho đến vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp thường ở trong Địa Ngục, thân tâm tinh tiến mãnh liệt chẳng ngưng, không có lui mất, chẳng ngại cực nhọc mệt mỏi. Tại sao thế? Vì Tâm Tịnh

Bồ Đề, Tính của nó là **Pháp như thể** (Pháp nhĩ) như **Kim Cương** (Vajra), cho nên Tính rất bền chắc như vậy, tức là chẳng phải theo Thầy mà được. Trụ **Vô Vi Giới** (*Tam Muội Gia Giới của Mật Giáo. Đây là Giới của vốn chẳng sinh*) không đơ bản, không vẫn đục, chẳng thể phá hoại gây thương tổn.

**Giới**, tiếng Phạn nói là **Thi La** ('Sila) nghĩa là trong vắt mát lạnh. Ví như Tính của nước thường mát lạnh, tuy gặp Nhân Duyên của củi lửa liền hay thiêu hết các vật, nhưng Tự Tính ấy cuối cùng chẳng thể nghiêng lệch. Nếu trừ bỏ củi tức lửa tự nhiên trong mát. Như Bản Chân Ngôn Hành Giả cũng như vậy, khi được Tam Muội **Trừ Cái Chướng** thời Bản Tính của Tâm tức là **Thi La** ('Sila), chẳng phải là Pháp tạo làm, chẳng do điều khác mà được. Cho nên nói **trụ Vô Vi Giới** vậy.

Như Tịnh Giới của Thanh Văn, chủ yếu do bạch với bốn **Yết Ma** (Karma), mọi Duyên đầy đủ mới bắt đầu được sinh. Lại tu phương tiện thủ hộ như phòng giữ gai bén nhọn, một kỳ thọ nhận đã hết thì Giới cũng tùy theo mà mất đi.

**Giới** ('Sila) này tức chẳng như vậy, đời luôn cùng sinh với nơi đã sinh ra, chẳng mượn thọ trì, thường không có phạm mất.

Lại do trụ Giới này cho nên **Thật Trí** tăng thêm sáng tỏ, được thấy **Duyên Khởi** (Pratiya-samutpada) thâm sâu của **Trung Đạo** (Madhyamà-pratipad) chẳng thể nghĩ bàn, cấm chế chặn đứng **tám Diên** (Phàm phu và Nhị Thừa đều có bốn sự diên đảo, nên hợp lại thành tám sự diên đảo), xa lìa **Nhị Biên** (hai biên kiến: chấp Đoạn, chấp Thường), cho nên **Kinh** tiếp theo nói rằng: "*Xa lìa Tà Kiến, thông đạt Chính Kiến*"

Ngài **Ca Diếp** (Kà'syapa) cũng nói rằng: "*Từ đây trở về trước, chúng ta đều được gọi là người Tà Kiến vậy*"

**Tuệ** trong đó chẳng chính cho nên gọi là **Tà Kiến** (Mithyà-dṛṣṭi). Do Phàm Phu, Nhị Thừa chẳng thể quyết định chọn lựa để biết chính đúng *Thật Tướng của Tự Tâm*. Đối với Lý của **Đế Thật** (các Pháp Chân Như) cho đến **Không** ('Sùnya) thì nói là **Chẳng Không**, *Chẳng Không* thì nói là *Không*, chẳng nhìn thấy lối nẻo Đại Bồ Đề mà Cổ Phật (Phật đời xưa) đã đi

Nay Bồ Tát này đã soi thấy đường lối sáng tỏ của Tâm, cho nên tức thời sinh ra **Vô Ngại Trí** (Trí không có ngăn ngại). Đối với tất cả Pháp thấy đều hiện trước mặt, thông đạt không có sai lầm, giống như người có con mắt sáng, ở trong ánh sáng của mặt trời nhìn thấy mọi loại các hình sắc. Tuy vô lượng **Thiên Ma** (Devamàra) đều hoá làm **thân Phật** (Buddha-kàya), nói tương tự **Ba La Mật**, cuối cùng chẳng thể lay động chút phần Tâm thuộc lưới nghi ngờ của người ấy. Cho nên **Kinh** tiếp theo nói rằng: "*Lại nữa Bí Mật Chủ ! Do trụ ở điều này, vị Trừ Nhất Thiết Cái Chướng Bồ Tát do sức Tín Giải cho nên chẳng phải siêng năng tu hành lâu dài sẽ đầy đủ tất cả Phật Pháp*".

Dùng Chính Kiến như vậy, giống như Kim cương tức là sức **Tín Giải** bền chắc tối thượng. Y theo điều này, tiến tu **Xảo Độ** (tất cả Hành Pháp để vượt khỏi sinh tử) *Như Thật*, cho nên được Tam Muội **Phật Lực Vô Sở Úy Giải Thoát** với vô lượng Phật Pháp khác thấy đều thành tựu vậy.



Ngài **Long Thọ** (Nàgarjuna) đã làm như người luyện kim, dùng mọi loại phương tiện dung hoà biến đổi chất khoáng thạch, sau đó thành vàng. Như người có Thần Thông hay khiến có loại gỗ, đất liền thành thể của vàng ròng. Cho nên nói rằng: **“Chẳng phải siêng năng tu hành lâu dài liền được đầy đủ tất cả Phật Pháp”**.

Do đó, khi Bồ Tát mới phát Tâm thời liền gọi là **Phật** (Buddha) cho nên Công Đức chân thật chẳng thể so lường. Giả sử Đức Như Lai ở vô lượng a tăng kỳ kiếp, phân biệt diễn nói cũng chẳng thể hết được. Cho nên Đức Phật nói: **“Lấy chỗ tinh yếu mà nói thì kẻ trai lành, người nữ thiện này đều được thành tựu vô lượng Công Đức”** vậy

\_ **“Bấy giờ Cháp Kim Cương Bí Mật Chủ lại dùng Kệ hỏi Phật :**

**.....cho đến chẳng biết các Không (trống rỗng), chẳng phải điều ấy có thể biết được Niết Bàn, cho nên tương ứng với sự biết Không (trống rỗng) rất ráo mà xa lìa Thường, Đoạn”**

Như trên Đức Phật nói ý nghĩa chủ yếu của Kinh, Môn **Thật Tướng** của Tâm, lược để biết rõ ràng

Thời Kim Cương Thủ vì khiến cho chúng sinh đời vị lai được đầy đủ phương tiện, lại không có sự nghi ngờ nào khác, cho nên dùng **Kệ** hỏi Phật, thỉnh Đức Thế Tôn rộng diễn ý nghĩa ấy. Trong đó lược có chín câu.

\_ **“Vì sao Thế Tôn nói**

**Tâm này sinh Bồ Đề (Bodhi) ?**

Tức là Tâm Bồ Đề sinh vậy.

Như **Hoa Nghiêm**, các Kinh rộng khen Công Đức phát Tâm Bồ Đề. Nay trong đây, hỏi thẳng Mật Ấn của Tâm : **“Làm sao biết rõ Tâm này phát sinh hạt giống Bồ Đề ? Nếu đã phát sinh thì Tính của nó như thế nào ?”**

\_ Câu thứ hai nói rằng:

**“Lại dùng Tướng thế nào ?**

**Biết phát Tâm Bồ Đề (Bodhi-citta) ?”**

**Tướng** là **Tính** thành ở bên trong, ắt có **Tướng** rõ rệt ở bên ngoài. Như trong **Bát Nhã** rộng nói rõ **Tướng** mạo của **A Tỳ Bạt Trí** (). Nay trong đây cũng hỏi: **“Lúc Tâm Bồ Đề sinh thời có tướng mạo nào vậy ?”**

**Kinh** nói rằng:

**“Nguyên Thức Tâm Tâm Thắng**

**Tự Nhiên Trí Sinh nói”**

Là như thật khen ngợi Công Đức của Phật, thỉnh diễn bày nghĩa của hai câu trước. Ban đầu nói rằng **Thức Tâm** là **Trí của Tâm tự giác**. Tiếp theo lại nói **Tâm** tức là **Thật Tướng của Tâm**. Ý nói rõ Cảnh, Trí đều màu nhiệm, không có hai, không có riêng, cho nên nói lại một lần nữa.

**Tự Nhiên Trí** (Svajambhù-jñàna: chỉ **Nhất Thiết Chủng Trí** được sinh ra tự nhiên mà chư Phật chẳng mượn dụng công để sinh ra) tức là **Thường Trí** (Trí Tuệ không có sinh diệt biến đổi) của Như Lai, chỉ là Tâm tự chứng Tâm, chẳng theo

điều khác mà tỏ ngộ. Nói **Phật** đã ở **Thức Tâm** (tức **Tâm Vương**), tối vi bậc nhất trong con người, ắt hay biết **Bồ Đề phát sinh** này với Tướng nhỏ nhiệm của nó. Chỉ nguyện xin nói điều ấy vậy.

\_ Câu thứ ba nói rằng:

**“Đại Cần Dũng (Mahà vira), bao nhiêu  
Tâm thứ tự nối sinh ”**

**Đại Cần Dũng** (Mahà vira) là tên gọi khác của Đức Phật vậy. Khen ngợi **Đức** (Guna) rồi lại phát câu hỏi: *“Có bao nhiêu thứ Tâm tiếp theo nhau để được Tâm đấy ?”*.

\_ Câu thứ tư, thứ năm nói rằng:

**“Tâm, các Tướng và Thời  
Nguyện Phật rộng khai diễn ”**

Hỏi *Tướng sai khác* của các Tâm này, với *Tướng nối tiếp tiến hơn nữa*. Phàm trải qua bao nhiêu Thời, để được Tâm **Tịnh Bồ Đề** cứu cánh vậy.

\_ Câu thứ sáu nói rằng: **“Nhóm Công Đức cũng vậy ”**

Nói Công Đức vi diệu của Tâm đó, cũng nguyện xin Đức Thế Tôn rộng khai diễn, cho nên nói: **“cũng vậy”**.

\_ Câu thứ bảy nói rằng: **“Sự tu hành Hạnh ấy ”**

Tiếp theo hỏi nên dùng **Hạnh** (Carya) nào, tu hành như thế nào để có thể đạt được Tất Địa vô thượng. Câu này có thể chia thành hai câu vậy.

\_ Câu thứ tám, thứ chín nói rằng:

**“Tâm Tâm có sai khác  
Xin Đại Mâu Ni (Mahà Muṇi) nói ”**

Ấy là Thức Tâm **đị thực** (Vipàka: *Quả báo y theo nghiệp nhân Thiện Ác mà được*) của chúng sanh, với tâm riêng khác của Hành Giả Du Già, cũng nguyện xin Đức Thế Tôn phân biệt rộng nói .

**Mâu Ni** (Muṇi) nghĩa là *lặng yên* (tịch mặc). Ý nói Thân, Ngữ, Tâm của Phật đều rất ráo **Tịch Diệt** (Vyupa'sama: *vượt thoát sinh tử, cảnh địa tiến vào Vô Vi tĩnh lặng*), vượt quá *địa ngôn ngữ*. Do đối với sự lặng yên nhỏ bé của Nhị Thừa, chẳng thể dùng làm ví dụ, cho nên nói là **Đại Mâu Ni** (Mahà-muṇi) vậy

**A Xà Lê** nói chín câu như vậy, hoặc có thể chia thành mười câu. Từ đây về sau, cho đến cuối Kinh, đều là Đức Như Lai đáp lại *ý của chín câu hỏi* mà rộng phân biệt nói.

Xong, Đức Phật quan sát Chúng Hội đương thời, vì khiến cho *được ý cầu Tông*, hoặc hỏi sau đáp trước, vẫn không chần mực nhất định, hoặc chuyển sinh nghi vấn

cho hết ngọn ngành, như văn bên dưới: Vào *Đại Bi Tạng Mạn Đà La* ... tức là trả lời cho câu **tu hành**, *Quả của một trăm chữ* ...tức là trả lời cho câu **Tâm sai khác** với **Công Đức** . Ngoài ra tùy theo có chỗ sự tương ứng đều dùng *nghĩa của loại Quán* có thể biết vậy.

Tiếp theo, Đức Như Lai trả lời cho Kim Cương Thủ trong **Kệ**:

***“Lành thay Phật Chân Tử!***

***Tâm lợi ích rộng lớn***

Do từ Chủng Tính của Như Lai sinh ra, từ Thân Ngữ Tâm của Phật sinh ra, cho nên nói là **Chân Tử**

Như lúc trước, Đức Đại Nhật Thế Tôn hiện Cảnh Giới gia trì rộng lớn. Nay Bí Mật Chủ cũng muốn vì khắp vô lượng chúng sinh đáng được cứu độ, mau thành **Đại Hạnh**, xé rách lưới nghi ngờ to lớn, đồng được trang nghiêm vô tận của *ba câu Bình Đẳng* cho nên Đức Phật khen rằng: ***“Lành thay Phật Tử! Nay, ông hay dùng Tâm rộng lớn vì lợi ích cho vô lượng chúng sinh, cho nên phát ra câu hỏi như vậy”***

\_ Tiếp theo nói rằng:

***“Câu Đại Thừa Thắng Thượng***

***Tướng nói sinh của Tâm***

***Đại Bí Mật của Phật***

***Ngoại Đạo chẳng thể biết”***

Lược có bảy nghĩa, cho nên gọi là **Đại Thừa** (Mahà-yàna)

**1\_ Do sự to lớn của Pháp** cho nên nói là Tạng bí mật thâm sâu rộng lớn của chư Phật, Tỳ Lô Giá Na tràn khắp tất cả nơi chốn, cỗ xe chuyên chở bậc Đại Nhân

**2\_ Do sự to lớn của phát Tâm** cho nên nói là một hướng chí cầu Đại Tuệ bình đẳng, khởi Đại Bi không cùng tận, thế sẽ trao truyền khắp cho chúng sinh trong Pháp Giới

**3\_ Do sự to lớn của Tím Giải** (Adhimukti) cho nên nói là lúc mới nhìn thấy con đường sáng tỏ của Tâm, thời đầy đủ vô lượng Công Đức, hay đến khắp hàng sa côi Phật, dùng Nhân Duyên của việc lớn, thành tựu chúng sinh.

**4\_ Do sự to lớn của Tính** cho nên nói là sự trong sạch của Tự Tính, kho báu Kim Cương của Tâm...không có khuyết giảm, tất cả chúng sinh đồng có như nhau

**5\_ Do sự to lớn của chỗ nương tựa** (y chỉ) cho nên nói là *cỗ xe màu nhiệm* (diệu thừa), tức nơi nương tựa to lớn của chúng sinh trong Pháp Giới. Giống như trăm con sông hướng về biển, cỏ cây y theo đất mà sinh

**6\_ Do sự to lớn của thời gian** cho nên nói là sức sống (thọ lượng) lâu dài vượt qua ba Thời (quá khứ, hiện tại, vị lai), dụng của Thần Thông **Sư Tử Phấn Tấn Bí Mật** chưa từng ngưng nghỉ.

**7\_ Do sự to lớn của Trí** cho nên nói là các Pháp vô biên, ngang bằng hư không. Diệu Tuệ tự nhiên của Tâm cũng lại vô biên, truy cứu đến cùng nguồn đáy của Thật Tướng, ví như cái vỏ bọc che trùm tương xứng.

Do bảy Nhân Duyên như vậy, cho nên đối với các Pháp Môn của Đại thừa giống như **ĐỀ HỒ** (Maṇḍa) thuần mùi vị bậc nhất, cho nên nói là **Đại Thừa tối thắng** vậy.

**Thừa** gọi là lối nẻo tiến đến, **Cú** (câu) gọi là chỗ ngưng nghỉ. Cho nên nói là **câu Đại Thừa** vậy.

***\_ Tướng tương tục sinh của Tâm.***

Tuy Tâm này rất ráo thường trong sạch, giống như Hư Không, lia tất cả Tướng, nhưng mà cũng theo Nhân Duyên khởi, có Tướng của Tâm sinh ra, giống như sóng nhỏ sóng gợn của biển lớn, chẳng phải là thường có, cũng chẳng phải là thường không có. Nếu là **thường có** thì chẳng cần gió táp ngưng nghỉ, liền lặng trong như thế rồi yên tĩnh. Nếu là **thường không có** thì chẳng cần gió táp mới khởi vỗ sóng ùng ùng nối tiếp nhau. Nên biết Tâm này theo Duyên Khởi sinh ra, cho nên tức là *chẳng sinh mà sinh, sinh mà chẳng sinh, Tướng của không có Tướng, Tướng thường không có Tướng*...thâm sâu vi diệu, khó thể biết thấu tỏ. Cho nên nói rằng:

***“Đại Bí Mật của Phật***

***Ngoại Đạo chẳng thể biết***

***Nay Ta đều mở bày (khai thị)***

***Hãy nhất tâm lắng nghe”***

***\_ Tiếp theo Kệ nói rằng:***

***“Vượt trăm sáu mươi Tâm***

***Sinh Công Đức rộng lớn***

***Tính ấy thường bền chắc***

***Biết Bồ Đề sinh ấy”***

Là lược đáp câu hỏi đầu tiên: *“Làm sao liền biết Tâm Bồ Đề sinh”*

***\_ Nay Đức Phật bảo rằng: “Vượt một trăm sáu mươi Tâm nối tiếp nhau”, tức là Tâm Tịnh Bồ Đề.***

Như có người hỏi rằng: *“Vì sao biết trong sữa sinh **ĐỀ HỒ** ?”*

Đáp rằng: *“Như **sữa, lạc** sinh **Thực Tô**... là tướng biến đổi thô trước, ắt dùng hoà tan khéo léo không có cặn dơ, nên biết tức là **ĐỀ HỒ** sinh ra vậy”.*

(Lấy sữa bò, sữa dê chế làm món ăn gọi là **Lạc**, trên món Lạc có một lớp sữa đóng đông lại gọi là **Tô**, trên phần Tô có một chất như dầu gọi là **ĐỀ HỒ**)

Hành Giả lúc bắt đầu khai phát kho báu Kim Cương thời nhìn thấy *Tính của Tâm đó*, như Hư Không trong sạch vượt qua các số lượng. Bấy giờ lia Nhân sanh ra Nghiệp, sinh ra cái mầm của cây Phật. Khi cái mầm ấy sanh ra, đã tràn khắp Pháp Giới, huống chi là cành, lá, hoa, quả. Cho nên nói rằng: *“Sinh Công Đức rộng lớn”*

Do vượt qua Hý Luận của Tâm Hạnh cho nên chẳng có thể phá, chẳng có thể chuyển, giống như vàng Diêm Phù Đà, không thể nói là nó quá xấu. Cho nên nói

rằng: **“Tĩnh ấy thường bền chắc”**. Nếu biết Tâm của mình có Ấn như vậy, nên biết là Bồ Đề sinh vậy.

Tiếp theo có một nửa bài **Kệ** lược đáp **“Tướng mạo của Tâm Bồ Đề”**. Do Thế Gian thay đổi, không có Pháp nào có thể dùng biểu thị cho Tướng của **Tâm Tịnh Bồ đề** chỉ trừ Hư Không to lớn là ví dụ được chút phần tương tự, cho nên nói rằng: **“Vô lượng như Hư Không”**. Ví như Hư Không chẳng bị khói, mây, bụi, sương mù...gây nhiễm ô. Tính của nó thường trụ, lia các Nhân Duyên, giả sử gió lớn ở tám phương thổi tận Thế Giới, cũng chẳng thể khiến cho nó lay động, từ gốc ban đầu (bản sơ) đến nay, thường tự tịch diệt, không có tướng, chẳng thích hợp với hiện tại vậy.

Tướng của Tâm cũng thế, từ vô thủy đến nay, vốn tự chẳng sinh. Do *vốn chẳng sinh* cho nên không có một pháp nào có thể khiến cho nhiễm ô, lay động. Nó thường trụ, chẳng thay đổi, vĩnh viễn vắng lặng không có tướng cho nên nói rằng:

**“Chẳng nhiễm ô, thường trụ**

**Các pháp chẳng thể động.**

**Xưa nay vắng, không tướng”**

Bấy giờ Hành Nhân được ánh sáng vắng lặng này soi chiếu, nên vô lượng **Tri Kiến** tự nhiên khai phát, như hoa sen mở bày, cho nên nói rằng: **“Vô lượng Trí thành tựu”**.

Trí thành tựu này tức là **Đức Phật của Tâm Tỳ Lô Giá Na** hiện ra trước mặt, cho nên nói rằng: **“Chánh Đẳng Giác hiển hiện”**. Bản Phạn nói là: **“Tam Miếu Tam Phật Đà (Samyaksambuddha) hiện”** vậy.

Đức Phật đã lược nói **Ấn Thật Tướng của Tâm** như vậy. Nếu Hành Giả cùng với điều này tương ứng, thì nên biết đã đủ sức tin bền chắc. Xong, sức tin này vốn từ **Cúng Dường Nghi Quỹ Hành Pháp** của Môn Chân Ngôn, như thuyết tu hành được đến Tâm Tịnh Bồ Đề. Cho nên nói rằng:

**“Tu hành hạnh cúng dường**

**Từ đây mới phát Tâm”**

Trong đây, **Cúng Dường (Pùja)** có hai loại:

**1\_ Ngoại Cúng Dường**

**2\_ Nội Cúng Dường.**

Văn bên dưới sẽ rộng nói vậy.

Hoặc có Thuyết nói: **“Chỉ quán Tánh của Tâm: không có tướng, Vô Vi..., chẳng nên làm mọi loại việc rối rắm để hành Đạo Bồ Tát”**. Thuyết này chẳng đúng vậy.

Như dùng bốn loại **chẳng sinh**, xem xét Tính của vàng trong quặng, tuy cũng tại Nhân tại Quả, thường tự không có tăng thêm, không có giảm bớt. Nếu chẳng dùng phương tiện làm cho tiêu tan chất cặn dơ, tức **vàng của chẳng sinh** này không do đâu có thể được.

Hành Nhân cũng lại như vậy. Nếu chẳng dùng ba loại Môn **Phương Tiện Cúng Dường Hạnh** bí mật, làm tiêu tan chất cặn dơ của đá quặng của 160 Tâm thì làm sao để được Tâm **Tịnh Bồ Đề** này ?!...

**Long Thọ A Xà Lê Trung Đạo Chính Quán**, ngay lúc dùng theo **Duyên Khởi** cho nên thành nghĩa **không có sinh** (vô sinh), mà người nói “*lông rùa sừng thỏ là không có sinh*”. Chính vì thế cho nên bị rơi vào chỗ sai lầm.

Lại như người đời nhìn thấy vàng thật, rên đúc trăm cách chẳng thể đời đổi, làm Tịch màu nhiệm cùng cực. Như người *Tiên có năm Thần Thông* (ngũ thông tiên nhân) dùng các *dược vật* (vật làm thuốc) mọi loại Luyện Trị, có thể biến hoá hết các loại đất đá thành vật báu bằng vàng. Nếu có người ăn uống chất ấy vào, sẽ trụ được tuổi thọ lâu dài, Thần Biến không có chỗ so sánh. Nên biết trong *Tịch của vàng thật*, có lực dụng như vậy, chỉ vì người đời không có phương tiện bí mật, cho nên chẳng thể được như thế.

Tâm **Tịnh Bồ Đề** cũng lại như vậy. Nếu dùng mọi loại Luyện Trị của **Đại Bi Vạn Hạnh** được thành nghiệp *Thần Biến Gia Trì chẳng thể nghĩ bàn*. Cho nên *chẳng ứng nghiệm thì chưa được nói là được*, ôm giữ cái Tâm ban đầu (sơ tâm) làm Quả cùng cực vậy .

\_ **Kinh** nói rằng: “*Này Bí Mật Chủ ! Kẻ Phàm phu ngu đồng (Bala) sống chết từ vô thủy đã chấp trước vào Ngã Danh, Ngã Hữu mà phân biệt vô lượng Ngã Phần.*”

**Bí Mật Chủ ! Nếu kẻ ấy chẳng quán sát được Tự Tính của Ngã ắt sinh ra Cái Ta (Ātma) và Cái của Ta (Mama-kāra: Ngã sở)”**

Bên dưới là trả lời về nghĩa *nối tiếp của Tâm*.. Muốn nói rõ nguyên do sinh khởi ban đầu của Tâm trong sạch (tịnh tâm), cho nên trước tiên nói cái Tâm trái ngược với Lý của Phàm Phu Ngu Đồng.

\_ “**Sống chết từ vô thủy”**

**Trí Độ** nói rằng: “*Thế Gian, hoặc chúng sinh, hoặc Pháp đều không có chỗ bắt đầu*”

Trong **Kinh**, Đức Phật nói:”Vô minh che trùm, yêu thương ràng buộc, sống chết qua lại, chỗ bắt đầu chẳng có thể được, cho đến Bồ Tát quán sát **không có chỗ bắt đầu** (vô thủy) cũng *trống rỗng* (không), nên chẳng bị rơi vào trong cái thấy có chỗ bắt đầu” .

\_ **Ngu Đồng** (Bala) có nghĩa như lúc trước nói

\_ **Phàm Phu** (Pṛthag-jana), dịch đúng thì nên nói là **Dị Sinh**, nghĩa là do Vô Minh cho nên tùy theo Nghiệp nhận chịu quả báo, chẳng được tự tại, bị rơi vào trong mọi loại lối nẻo với màu sắc, Tâm, hình dáng, giống loài...mỗi mỗi đều sai khác, cho nên gọi là **Dị Sinh**.

Điều đã tính toán cho là **Ngã** (cái Ta) chỉ có ngữ ngôn mà không có sự thật, cho nên nói rằng chấp dính **Ngã Danh** (Tên gọi của cái Ta).

Nói **Ngã Hữu**, tức là **Ngã Sở** (Mama-kāra: cái của Ta)

Như vậy chấp vào **Cái Ta** (Ātma: Ngã) và **Cái của Ta** (Mama-kāra: Ngã sở) cũng như 16 nhóm Tri Kiến, tùy theo việc, sai khác vô lượng, chẳng đồng nhau, cho nên gọi là **Phần** (?Ngã Phần)

\_ Tiếp theo giải thích nguyên do đã hư vọng phân biệt, cho nên nói rằng: “**Bí Mật Chủ ! Nếu kẻ ấy chẳng quán sát được Tự Tính của Ngã ắt sinh ra Cái Ta (Àtma) và Cái của Ta (Mama-kàra: Ngã sở)**”

Nếu kẻ ấy quán sát các **Uẩn** (Skandha) thấy đều theo mọi Duyên sanh ra, thì trong đó *cái gì là Ngã ?* Ngã trụ ở chỗ nào? Ngã tức là tướng của Uẩn hay khác với Uẩn ? Nếu hay xét kỹ tìm cầu như vậy, sẽ được **Chính Nhãn** (con mắt Trí Tuệ nhận biết chân lý).

Xong, kẻ ấy chẳng tự mình quán sát, chỉ xoay vần noi theo nhau, từ lâu xa đến nay tôn phụng học tập **cái thấy** này, rồi nói là: “*Cái Ta ở ngay trong thân, hay có chỗ tạo làm với nuôi nuôi lớn, thành tựu các Căn*”, chỉ cho điều này là đường rồi cứu cánh, còn lại đều là nói dối (vọng ngữ), do đó cho nên gọi là **Ngu Đồng** (Bala: trẻ thơ dại) .

\_ **Kinh** nói rằng: “**Lại tính toán (?chấp) có Thời (Kàla)**”

Nghĩa là tính toán (?chấp) tất cả Trời, Đất, tốt, xấu đều dùng **Thời** (Kàla) làm **Nhân** (Hetu)

Như **Kệ** ấy nói :

“**Thời đến chúng sinh thực** (quen thuộc, hiểu rõ)

**Thời tới liền thúc giục**

**Thời hay giác ngộ người**

**Thế nên, Thời là Nhân**”.

Lại như có người nói: “*Tuy tất cả người, vật chẳng phải là chỗ do Thời tạo ra, nhưng Thời là **Nhân chẳng thay đổi**, là thật có bờ mé của Pháp, cho nên chẳng thể nhìn thấy, do **Quả** của nhóm hoa, trái...cho nên biết có Thời. Tại sao thế ? Vì nhìn thấy **Quả** thì biết có **Nhân**. Cho nên **Thời** (Kàla) là Pháp chẳng hoại, cho nên là **Thường***”.

Cũng do chẳng quán sát Tự Tính của Thời, cho nên mới sinh ra tính toán (?Chấp) hư vọng như vậy”

\_ **Kinh** nói rằng: “**Nhóm Địa....biến hóa**”

Ấy là: Địa (đất), Thủy (nước), Hoả (lửa), Phong (gió), Hư Không ...mỗi mỗi đều chấp là điều chân thật.

Hoặc nói: đất là **Nhân của vạn vật**, vì tất cả chúng sinh vạn vật đều dựa vào đất mà được sinh ra.

Do chẳng quán Tự Tính của đất , chỉ theo mọi Duyên hòa hợp mà có, cho nên mới sinh ra **cái Thấy** đó dùng làm cúng dường Đất, sẽ được giải thoát.

Tiếp theo có tính toán (?chấp) **nước** hay sinh ra vạn vật ; **lửa, gió** cũng thế. Hoặc tính toán (?chấp) là **vạn vật từ hư không mà sinh ra**, nghĩa là **Không** là Nhân của **chân giải thoát** (sự giải thoát chân thật)... nên phải cúng dường, thừa sự..... đều nên rộng nói.

\_ **Kinh** nói rằng: *”Du Già Ngã (Yoga-àtma)”*

Nghĩa là **người học Định**. Tính toán (?chấp) điều này là Lý của Nội Tâm tương ứng, dùng làm **Chân Ngã** thường trụ chẳng động, **Chân Tính** lặng trong. Chỉ có điều này là đường lối cứu cánh, lia nơi Nhân Quả.

Do chẳng quán sát Tự Tính của Tâm, cho nên sinh ra **cái Thấy** như vậy dùng làm **Chân Ngã**. Chỉ trụ vào cái Lý này tức gọi là **Giải Thoát** vậy.

\_ **Kinh** nói rằng: *”**Kiến lập Tịnh** (‘Suddha: trong sạch) **chẳng kiến lập Vô Tịnh** (Không trong sạch)”*.

Trong đó có hai loại tính toán (?chấp).

\_ Câu trước tiên nói rằng: *có kiến lập tất cả các pháp*. Y theo điều này tu hành thì gọi là **trong sạch** (tịnh).

\_ Câu tiếp theo nói là: *Sự kiến lập này chẳng phải là Pháp cứu cánh*. Nếu không kiến lập, ấy là **Vô Vi**, mới gọi là **Chân Ngã**, cũng lia **cái Tịnh** đã tu của câu trước, cho nên nói rằng **không có trong sạch** (vô tịnh) vậy.

Do chẳng quán sát Tự Tính Ngã, nên có sinh ra **cái Thấy** như vậy. Rộng nói như bên trên.

\_ **Kinh** nói rằng: *”**Ngã như là Tự Tại Thiên** (Ī’svara), **Ngã như là Lưu Xuất với Thời** (Kàla)”*

Nghĩa là một loại Ngoại Đạo tính toán (?chấp) là: *”Tự Tại Thiên là thường, đáng Tự Tại đó hay sanh ra vạn vật”*

Như trong **12 Môn** hỏi vặn rằng: *”Nếu chúng sinh là con của Tự Tại Thiên thì chỉ nên lấy **cái vui sướng** ngăn che **cái khổ**, chẳng nên cùng với cái Khổ, cũng nên chỉ cúng dường **Tự Tại** liền diệt **Khổ** được **vui sướng**”*. Nhưng sự thật thì chẳng như thế chỉ là tự mình tạo ra Nhân Duyên sướng khổ, rồi tự mình nhận lấy quả báo, chứ chẳng phải là **Tự Tại Thiên** tạo ra.

*Lại nếu **Tự Tại** tạo ra chúng sinh, thì ai lại tạo ra **Tự Tại** này? Nếu **Tự Tại** tự tạo ra mình, tức chẳng phải như thế, như vật chẳng thể tự tạo ra mình. Nếu lại có người tạo ra, tức chẳng được gọi là **Tự Tại**”*

Như **Luận** ấy rộng nói vậy .

\_ Tính toán (?chấp) là: **lưu xuất** cũng đồng với **kiến lập**.

**Kiến lập** như từ Tâm xuất ra tất cả Pháp. Trong đây **Lưu xuất** như từ *thủ công* xuất ra tất cả Pháp, ví như người thợ đắp nặn Sư Tử, rộng rãi chạm trổ không có gián đoạn, sinh ra mọi loại hình tượng sai khác

Tiếp theo nói là **Thời**, cùng với **Thời** lúc trước do Tông Ngoại Đạo đã tính toán (?chấp) có chút sai khác, đều là **Chủng Loại** của Tự Tại Thiên vậy.



\_QUYỂN THỨ NHẤT (Hết)\_